ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

HỘI KHUYẾN HỌC **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH**

TÀI LIỆU HỘI THẢO

KHUYẾN HỌC XANH – HƯỚNG ĐI BỀN VỮNG CHO TƯƠNG LAI

Thái Bình, tháng 3 năm 2025

Bài phát biểu đề dẫn tại Hội thảo khuyến học xanh – Hướng đi bền vững cho tương lai

ThS. Vũ Mạnh Hiền, Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh

Hôm nay, chúng ta có mặt tại Hội thảo khuyến học xanh do Hội Khuyến học tỉnh Thái Bình phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thái Bình tổ chức. Trước hết, thay mặt Ban tổ chức, tôi xin nhiệt liệt chào mừng và trân trọng cảm ơn sự hiện diện của các đồng chí lãnh đạo, các chuyên gia, nhà quản lý giáo dục, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, cùng toàn thể các đại biểu tham dự hội thảo ngày hôm nay. Sự có mặt của quý vị là minh chứng cho sự quan tâm sâu sắc đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập thời kỳ mới. Hội thảo **"Khuyến học xanh –Hướng đi bền vững cho tương lai**" - một diễn đàn quan trọng nhằm thúc đẩy tư duy và hành động vì một nền giáo dục bền vững, gắn kết chặt chẽ với các giá trị xanh trong xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và suy giảm tài nguyên, giáo dục không thể đứng ngoài cuộc. Hơn bao giờ hết, chúng ta cần thay đổi tư duy, đổi mới phương pháp học tập và giảng dạy để xây dựng một thế hệ công dân có trách nhiệm với môi trường và xã hội. Chính vì vậy, chủ đề của Hội thảo hôm nay là **"Khuyến học xanh –Hướng đi bền vững cho tương lai**" theo hướng *"**Tư duy xanh, Lối sống xanh, Kỹ năng xanh**"* không chỉ mang tính thời sự mà còn là kim chỉ nam cho giáo dục trong thời đại mới.

Hội thảo là dịp để chúng ta cùng nhau trao đổi, thảo luận và đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm lồng ghép các yếu tố "xanh" vào giáo dục, từ nhận thức đến hành động. Với tinh thần đó, tôi tin rằng những chia sẻ từ các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà giáo dục tại Hội thảo sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng một nền giáo dục xanh - một nền giáo dục vì sự phát triển bền vững của đất nước và thế giới.

Những năm qua, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể và sự đồng thuận của nhân dân, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trong tỉnh Thái Bình đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đứng trong tốp đầu của cả nước.

Mạng lưới tổ chức hội đã phủ kín 100% xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố và hầu hết các cơ quan, đơn vị, trường học. Hàng nghìn chi hội, ban khuyến học với hàng trăm nghìn hội viên đã tham gia vào công tác khuyến học. Phong trào xây dựng các mô hình học tập được triển khai hiệu quả, gắn liền với phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Gần 5 năm qua , các cấp hội khuyến học đã huy động nguồn lực gần 800 tỷ đồng để hỗ trợ các hoạt động học tập trong và ngoài nhà trường. Nhiều mô hình học tập tiêu biểu, sáng kiến khuyến học đã góp phần lan tỏa tinh thần học tập thường xuyên, học tập suốt đời trong cộng đồng.

Những kết quả đạt được không chỉ khẳng định vai trò quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài mà còn đóng góp thiết thực vào sự nghiệp **giáo dục - đào tạo**, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho địa phương.

Thưa toàn thể quý vị!

Trong những thập kỷ qua, thế giới đang phải đối mặt với những vấn đề môi trường nghiêm trọng như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, suy giảm tài nguyên thiên nhiên. Nhiệt độ toàn cầu ngày càng tăng, thiên tai xảy ra thường xuyên hơn, nguồn nước sạch bị đe dọa, và hệ sinh thái bị suy thoái. Những thách thức này không chỉ ảnh hưởng đến đời sống con người mà còn đặt ra yêu cầu cấp bách về thay đổi tư duy và hành động nhằm bảo vệ hành tinh xanh.

Trước thực trạng đó, giáo dục hướng tới phát triển bền vững đã trở thành một nhu cầu cấp thiết. Giáo dục không thể chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức hàn lâm mà cần giúp người học, nhất là thế hệ trẻ hiểu rõ hơn về những tác động của con người đối với môi trường, từ đó khuyến khích họ có trách nhiệm hơn trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Việc tích hợp các yếu tố xanh vào giáo dục không chỉ giúp học sinh, sinh viên, học viên nâng cao nhận thức mà còn thúc đẩy hành động thực tế vì một tương lai bền vững.

Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong phát triển bền vững, khuyến học xanh không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn định hình tư duy, lối sống có trách nhiệm và kỹ năng xanh. Một nền giáo dục hiện đại không chỉ giúp người học tiếp cận các kiến thức khoa học, kỹ thuật mà còn bồi dưỡng ý thức bảo vệ môi trường, rèn luyện thói quen sống xanh ngay từ những hành động nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày.

Hơn nữa, khái niệm học tập suốt đời theo hướng "khuyến học xanh" không chỉ giới hạn trong phạm vi trường học mà còn lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng. Khi mỗi cá nhân không ngừng học hỏi, nâng cao nhận thức và áp dụng lối sống xanh, chúng ta cùng nhau kiến tạo một xã hội phát triển bền vững. Hội thảo hôm nay chính là cơ hội để chúng ta cùng nhau trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tìm ra những giải pháp thiết thực nhằm thúc đẩy giáo dục xanh, hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn cho thế hệ mai sau.

Nội dung chính của hội thảo hôm nay bao gồm 3 vấn đề chính:

Thứ nhất, Tư duy xanh

Tư duy xanh không chỉ là cách nhìn nhận vấn đề theo hướng bảo vệ môi trường mà còn là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong mọi lĩnh vực. Một nền giáo dục hiện đại không chỉ truyền đạt tri thức mà còn cần xây dựng tư duy có trách nhiệm với thiên nhiên, tài nguyên và hệ sinh thái.

Để đạt được điều đó, ngành giáo dục cần đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, tích hợp yếu tố bảo vệ môi trường vào chương trình học một cách linh hoạt và hiệu quả. Các môn học không chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết mà còn cần khuyến khích học sinh,

sinh viên, học viên tham gia vào các dự án thực tế về môi trường, từ đó hình thành thói quen suy nghĩ và hành động theo hướng xanh.

Thứ hai, Lối sống xanh

Lối sống xanh là một phần không thể thiếu trong giáo dục xanh. Mỗi cá nhân cần thay đổi thói quen sinh hoạt hàng ngày theo hướng thân thiện với môi trường, từ những hành động đơn giản như sử dụng tiết kiệm nước, điện, giảm thiểu rác thải nhựa đến việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm tái chế và hữu cơ.

Bên cạnh đó, việc xây dựng văn hóa tiêu dùng xanh cũng đóng vai trò quan trọng. Chúng ta cần nâng cao nhận thức về mua sắm có trách nhiệm, ủng hộ các sản phẩm bền vững, hạn chế lối sống lãng phí và khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất thân thiện với môi trường.

Thứ ba, Kỹ năng xanh

Bên cạnh tư duy và lối sống, kỹ năng xanh là yếu tố quyết định trong việc tạo ra sự thay đổi bền vững. Người học cần được trang bị những kỹ năng thực tế như phân loại rác thải, tái chế, sử dụng năng lượng hiệu quả, trồng và bảo vệ cây xanh. Những kỹ năng này không chỉ giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường mà còn tạo ra những giá trị lâu dài cho xã hội.

Để thúc đẩy kỹ năng xanh, cần đẩy mạnh việc đưa các mô hình thực hành xanh vào trường học và cộng đồng. Các sáng kiến như vườn trường xanh, mô hình "trường học không rác thải" hay các chương trình tình nguyện bảo vệ môi trường sẽ giúp học sinh và sinh viên, người học có cơ hội rèn luyện kỹ năng và nâng cao ý thức trách nhiệm với thiên nhiên.

Ba yếu tố "**Tư duy xanh, Lối sống xanh, Kỹ năng xanh"** là ba trụ cột quan trọng trong việc xây dựng một xã hội phát triển bền vững. Hội thảo hôm nay là cơ hội để chúng ta cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, đề xuất giải pháp và cùng hành động để hướng tới một nền giáo dục xanh, một tương lai xanh cho thế hệ mai sau.

Kính thưa quý vị!

Để thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng một nền giáo dục xanh, hướng tới một xã hội phát triển bền vững, chúng ta cần sự chung tay của **toàn xã hội** - từ **nhà trường, gia đình, doanh nghiệp, các tổ chức và các cấp chính quyền.** Mỗi cá nhân, mỗi tổ chức đều có vai trò quan trọng trong việc lan tỏa tư duy xanh, thực hành lối sống xanh và rèn luyện kỹ năng xanh.

Trường học không chỉ là nơi truyền đạt kiến thức mà còn cần trở thành những trung tâm giáo dục bền vững, nơi học sinh được rèn luyện ý thức trách nhiệm với môi trường ngay từ những hành động nhỏ nhất. Gia đình đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành thói quen sống xanh, từ việc tiêu dùng tiết kiệm đến giảm thiểu rác thải nhựa, đến ưu tiên sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Doanh nghiệp và chính quyền cần

phối hợp chặt chẽ, xây dựng các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để các mô hình giáo dục xanh được nhân rộng và phát huy hiệu quả.

Chúng ta cần cùng nhau hướng tới một **hệ sinh thái giáo dục xanh**, nơi học tập không chỉ là tiếp thu tri thức mà còn là một quá trình rèn luyện ý thức và trách nhiệm đối với thiên nhiên. Khi mỗi cá nhân có tư duy đúng đắn, thực hành lối sống thân thiện với môi trường và trang bị kỹ năng phù hợp, chúng ta sẽ xây dựng được một tương lai bền vững hơn.

Trân trọng cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu, các chuyên gia, các nhà giáo dục đã dành thời gian quý báu tham dự hội thảo hôm nay. Sự hiện diện và đóng góp của quý vị không chỉ thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến giáo dục xanh, mà còn là động lực quan trọng để chúng ta cùng nhau hành động vì một thế hệ tương lai có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

Tôi tin tưởng rằng, với tinh thần hợp tác, đổi mới và sáng tạo, hội thảo hôm nay sẽ là diễn đàn ý nghĩa để chúng ta cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, đề xuất giải pháp và lan tỏa tinh thần khuyến học xanh.

Với tinh thần đó, tôi xin **chính thức tuyên bố khai mạc Hội thảo "Khuyến học xanh – Hướng đi bền vững cho tương lai**" theo hướng *"**Tư duy xanh, Lối sống xanh, Kỹ năng xanh**"*

Chúc hội thảo thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn!

Hội thảo "Khuyến học xanh – Hướng đi bền vững cho tương lai"

Thực hiện theo Công văn số 49/CV-KHVN ngày 26/02/2025 của Hội Khuyến học Việt Nam

Phần 1. Một số thuật ngữ và khái niệm

I. Chuyển đổi xanh

Chuyển đổi xanh là quá trình xây dựng nền kinh tế - xã hội, trong đó *mức phát thải từ thấp đến rất thấp,* đạt được thông qua việc phát triển văn minh, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chuyển đổi xanh *hướng đến giảm tình trạng suy thoái hệ sinh thái và tác động xấu đến môi trường* từ con người.

Chuyển đổi xanh có thể được hiểu là *mô hình tăng trưởng chú trọng vào quá trình phát triển kinh tế, bảo đảm bền vững về môi trường.*

Yêu cầu về phát triển mô hình tăng trưởng xanh ở Việt Nam được thể hiện cụ thể ở Quyết định số 1658/QĐ-TTg (1/10/2021) của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050".

II. Tăng trưởng xanh

Tăng trưởng xanh là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

III. Môi trường xanh

Môi trường xanh là môi trường sống được bảo vệ và phát triển bền vững, đảm bảo sự cân bằng sinh thái và giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của con người. Môi trường xanh bao gồm các thành phần như đất, nước, không khí, con người và các sinh vật sống trong đó, hiện tại được giữ gìn, bảo vệ, phát triển nhưng không làm suy kiệt tài nguyên cho các thế hệ tiếp theo.

IV. Giáo dục xanh

Giáo dục xanh là giáo dục định hướng tương lai, tập trung vào bảo vệ môi trường và tạo ra một thế giới công bằng hơn về mặt sinh thái và xã hội. Giáo dục xanh là giáo dục vì mục tiêu phát triển bền vững (Green Education = Eduction for Sustainable Developmen - ESD).

V. Trường học xanh

Trường học xanh là ngôi trường tạo ra môi trường thuận lợi cho việc học tập, đồng thời thực hành tiết kiệm năng lượng, tài nguyên môi trường trong mọi hoạt động, bao

gồm cả việc nâng cao nhận thức trong cộng đồng. Nói cách khác, trường học xanh là nơi tạo ra một hệ sinh thái bền vững, nơi mọi thành viên được chăm sóc cả về sức khỏe thể chất và tinh thần, với mục tiêu giảm thiểu những tác động không mong muốn từ môi trường và tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện trong cộng đồng.

VI. Văn hóa xanh

Văn hóa xanh là nền văn hóa kết nối hòa hợp con người với môi trường để duy trì sự phát triển văn hóa của xã hội, của cộng đồng.

Con người có văn hóa xanh thường biểu hiện ra bên ngoài những kỹ năng và phẩm chất sau:

1. Tiêu dùng xanh

Tiêu dùng xanh là phương thức tiêu thụ và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường (thực phẩm, lương thực, các loại đồ uống, đồ gia vị, đồ dùng sinh hoạt, các dụng cụ kỹ thuật cho cá nhân và gia đình...). Những sản phẩm ấy không sử dụng hóa chất độc hại, thuốc kháng sinh, biến đổi gen, chất phụ gia nhân tạo...

Khi chọn thực phẩm xanh, cần chú ý đến những thực phẩm được sản xuất từ các nguyên liệu hữu cơ, những sản phẩm chứa ít nhất 95% là thành phần hữu cơ.

2. Gia dụng xanh

Là những đồ dùng trong gia đình mà quá trình sản xuất chúng ít tác động xấu đến môi trường. Chúng được chế tạo từ những vật liệu thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe con người.

Trong thời đại công nghiệp hiện đại, khi chọn đồ gia dụng, nên tìm kiếm các dụng cụ không tiêu thụ nhiều điện, tuổi thọ cao, trọng lượng và khối lượng nhỏ, gọn, nhẹ, độ ồn thấp, sử dụng an toàn và khi vận hành không gây bụi bẩn, nhiều rác thải, gây ra chất độc hại, gây dị ứng...

3. Thời trang xanh

Là xu hướng ăn mặc hiện đại: Quần áo, giầy dép, cặp sách, túi đeo vai, ba lô... làm bằng các chất liệu thân thiện với môi trường, có thời hạn sử dụng dài lâu, giá cả phải chăng, tác dụng tốt đến việc bảo vệ sức khỏe con người, thân thiện với môi trường.

VII. Phát thải

1. Phát thải là hoạt động thải ra môi trường các chất có hại, gây ô nhiễm môi trường. Phát thải có nhiều dạng khác nhau: Phát thải chất thải lỏng, phát thải chất thải khí, phát thải chất thải rắn, phát thải chất thải phóng xạ. Các chất thải này là tác nhân gây ô nhiễm đất, nước, không khí.

2. Phát thải ròng là hoạt động không thêm lượng khí thải mới vào bầu khí quyển. Phát thải sẽ tiếp tục nhưng sẽ được cân bằng bằng cách hấp thụ một lượng tương đương từ khí quyển.

3. Net Zero: phát thải Net zero là trạng thái phát thải ròng bằng O, tại đó lượng khí nhà kính do hoạt động của con người thải ra nằm ở mức cân bằng với lượng khí nhà kính được loại bỏ trong khoảng thời gian nhất định.

4. Khí nhà kính (Greenhouse gas - GHG hay GhG) là một loại khí hấp thụ và phát ra năng lượng bức xạ ở bước sóng nhiệt hồng ngoại, gây ra hiệu ứng nhà kính[1]. Khí nhà kính ở trái đất gồm hơi nước, carbon dioxide (CO_2), Ozon (O_3) và các khí CFC[2].

VIII. Khuyến học xanh

Có rất nhiều khái niệm về khuyến học xanh theo chúng tôi có thể hiểu Khuyến học xanh như sau:

Khuyến học xanh là một mô hình giáo dục kết hợp giữa việc khuyến khích học tập và phát triển bền vững. Mô hình này không chỉ hướng đến việc nâng cao tri thức mà còn giúp người học hình thành ý thức bảo vệ môi trường, áp dụng các giải pháp xanh vào cuộc sống và công việc, hướng tới một tương lai bền vững.

Đây cũng là một phần của chiến lược giáo dục toàn cầu nhằm thay đổi phương pháp dạy và học, thích ứng với những thách thức như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên. Mục tiêu của Khuyến học xanh là trang bị cho người học kiến thức, lối sống, kỹ năng và tư duy cần thiết để đóng góp vào một xã hội phát triển bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường và xây dựng một thế giới công bằng hơn về mặt sinh thái, xã hội.

Nói cách khác, Khuyến học xanh không chỉ dừng lại ở việc trang bị tri thức mà còn giáo dục về môi trường, hướng dẫn người học có tư duy xanh, lối sống xanh, kỹ năng xanh và sống có trách nhiệm với hành tinh. Các chương trình trong mô hình này có thể bao gồm việc áp dụng công nghệ sạch, giảm thiểu rác thải nhựa, tiết kiệm năng lượng, khuyến khích sử dụng tài nguyên tái tạo và đổi mới phương pháp giáo dục để giúp người học hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.

IX. Một số đặc trưng của khuyến học xanh

1. Giáo dục gắn với môi trường

a. Xây dựng ý thức bảo vệ thiên nhiên thông qua giáo dục.

b. Đưa các nội dung về biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên vào chương trình học.

c. Khuyến khích các hoạt động học tập ngoài trời, tiếp cận thiên nhiên.

2. Thúc đẩy học tập bền vững

---

[1] Hiệu ứng nhà kính là hiệu ứng làm cho không khí của Trái Đất nóng lên do bức xạ sóng ngắn của mặt trời có thể xuyên qua tầng khí quyển, chiếu xuống mặt đất và mặt đất hấp thụ nóng lên lại bức xạ sóng dài vào khí quyển để CO_2 hấp thụ làm cho không khí nóng lên.

[2] Khí CFC (Chlorofluoro carbon) là hợp chất khí hữu cơ gồm Flo, Clo với Carbon không có trong tự nhiên, mà do sản xuất công nghiệp tạo ra dùng làm dung môi trong các thiết bị làm lạnh.

a. Tạo điều kiện học tập cho người dân lâu dài, liên tục, không bị gián đoạn bởi các vấn đề môi trường.

b. Sử dụng tài nguyên giáo dục số để hạn chế in ấn giấy tờ, bảo vệ rừng.

c. Xây dựng môi trường học tập xanh (trường học xanh, thư viện xanh, lớp học sinh thái).

3. Học tập gắn với ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo

a. Sử dụng công nghệ số để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

b. Khuyến khích các dự án nghiên cứu, sáng tạo liên quan đến phát triển bền vững.

c. Học tập kết hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng.

4. Học tập gắn với trách nhiệm xã hội

a. Giáo dục tinh thần trách nhiệm với môi trường từ sớm.

b. Khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện xanh, bảo vệ môi trường.

c. Kết nối học tập với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.

5. Gắn kết cộng đồng và hành động thực tiễn

Khuyến học xanh gắn kết cộng đồng và hành động thực tiễn là một mô hình giáo dục khuyến khích việc học tập không chỉ vì tri thức mà còn vì sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao trách nhiệm cộng đồng; thúc đẩy các hoạt động thực tiễn như trồng cây, tái chế, tiết kiệm năng lượng, và bảo vệ hệ sinh thái. Đây là sự kết hợp giữa giáo dục với các hành động thực tiễn nhằm tạo ra những thay đổi tích cực trong nhận thức và hành vi của cá nhân và tập thể, hướng đến một tương lai xanh và bền vững.

6. Tư duy xanh

Tư duy xanh thể hiện ở lối suy nghĩ chỉ đạo mọi hành vi luôn tuân thủ những quan điểm xây dựng và bảo vệ lối sống xanh của con người, luôn hướng đến những cách làm sao cho môi trường sống được xanh hóa, không xem sản phẩm đồi trụy, các tài liệu phản động, không bị lôi cuốn vào các hoạt động ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, con người luôn có sức khỏe thể chất và tinh thần sung mãn, sảng khoái.

7. Lối sống xanh

Lối sống xanh (gọi tắt là **sống xanh**) là lối sống lành mạnh, bền vững, giảm thiểu sử dụng tài nguyên thiên nhiên và các sản phẩm (độc hại) có hại hoặc ảnh hưởng đến môi trường. Không săn bắn, giết hại động vật hoang dã. Không tham gia các hoạt động có tính chất đồi trụy (luôn sống vì cộng đồng), ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục. Lối sống xanh đáp ứng nhu cầu hiện tại nhưng không làm suy kiệt tài nguyên (cần hiểu tài nguyên không chỉ là tài nguyên thiên nhiên) cho các thế hệ trong tương lai.

Nói cách khác, **"Lối sống xanh"** là cách sống có trách nhiệm với môi trường, thể hiện qua việc tiêu dùng hợp lý, giảm thiểu tác động xấu đến thiên nhiên, sử dụng tài nguyên hiệu quả và ứng xử thân thiện với môi trường. Đây là hành động thiết thực để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh của đất nước.

8. Kỹ năng xanh

Kỹ năng xanh là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm vào các hoạt động lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm giúp cho xã hội phát triển bền vững và sử dụng tài nguyên có hiệu quả.

Kỹ năng xanh là điều kiện quan trọng để con người tiến hành những việc làm xanh. Đó là những bảo vệ lối sống xanh, môi trường xanh và tư duy xanh và các kỹ năng trong xử lý thành thạo các vấn đề trong quan hệ xã hội.

Khuyến học xanh định hướng những nội dung học tập suốt đời, đặc biệt là giáo dục người lớn, vào việc bảo vệ môi trường bền vững, tạo ra sự công bằng cho mọi công dân về mặt sinh thái, giúp cho mọi cá nhân và cộng đồng có trách nhiệm bảo vệ tương lai con người trước những nguy cơ suy thoái của môi trường sống.

Khuyến học xanh phát triển và mở rộng các kiến thức, kỹ năng, thái độ, các giá trị và quan điểm để đào tạo những thế hệ công dân có những năng lực sáng tạo và phát triển các mô hình sống bền vững.

Trong hệ thống giáo dục người lớn, Khuyến học xanh không đơn thuần là việc lồng ghép những vấn đề biến đổi khí hậu, chống ô nhiễm môi trường, giảm thiểu khí nhà kính, sử dụng năng lượng sạch v.v... vào các chuyên đề học tập thường xuyên, mà quan trọng hơn là chuyển đổi nội dung và cách thức Dạy và Học, cung cấp những nội dung liên quan đến lối sống xanh, tư duy xanh, phương pháp giáo dục hiện đại trên nền tảng những công nghệ học tập, giúp học viên tự giác định hướng học tập theo Chương trình chuyển đổi xanh của quốc gia.

Phần 2. Những nội dung chính của "xanh hóa" hoạt động khuyến học theo chỉ đạo của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam

I. Sự cần thiết phải "xanh hóa" hoạt động khuyến học trước những xu hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025 - 2030 và tầm nhìn 2045

1. Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu "xanh hóa" giáo dục

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Các xu hướng lớn như chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững đang trở thành động lực quan trọng cho sự tăng trưởng. Trong đó, "xanh hóa" không chỉ là yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh mà còn trong giáo dục và hoạt động khuyến học.

2. Tại sao cần "xanh hóa" hoạt động khuyến học?

2.1. Đáp ứng chiến lược phát triển bền vững: "Xanh hóa" giáo dục và khuyến học góp phần nâng cao nhận thức, hình thành tư duy và kỹ năng phù hợp với nền kinh tế xanh.

2.2. Thúc đẩy công bằng trong tiếp cận tri thức: Học tập suốt đời với trọng tâm là giáo dục về môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu giúp mọi công dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, có cơ hội thích nghi với xu hướng phát triển mới.

2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Xã hội cần lực lượng lao động có hiểu biết về phát triển bền vững, sử dụng tài nguyên hiệu quả và áp dụng công nghệ xanh vào sản xuất, kinh doanh.

3. Các giải pháp để "xanh hóa" hoạt động khuyến học

3.1. Lồng ghép giáo dục bền vững vào chương trình học tập suốt đời: Khuyến khích các khóa học về bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn.

3.2. Ứng dụng công nghệ trong giáo dục và khuyến học: Thúc đẩy học tập trực tuyến, giảm thiểu sử dụng tài nguyên giấy, điện và nước trong các hoạt động khuyến học.

3.3. Xây dựng cộng đồng học tập xanh: Khuyến khích mô hình thư viện sinh thái, lớp học ngoài trời, tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế về bảo vệ môi trường.

3.4. Hợp tác đa bên trong phát triển khuyến học bền vững: Gắn kết doanh nghiệp, tổ chức xã hội, các trường đại học trong việc tài trợ, hỗ trợ và lan tỏa mô hình giáo dục xanh.

Tóm lại: "Xanh hóa" hoạt động khuyến học không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là giải pháp quan trọng để Việt Nam xây dựng một xã hội học tập bền vững, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế xanh giai đoạn 2025 - 2030 và hướng tới tầm nhìn 2045.

II. Vai trò của hội khuyến học trong việc triển khai thực hiện quyết định số 1658/QĐ-TTg về "chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050"

1. Bối cảnh và sự cần thiết

Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ đã đặt nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh, hướng đến phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Trong quá trình thực hiện chiến lược này, giáo dục và khuyến học đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao nhận thức, phát triển kỹ năng và xây dựng nguồn nhân lực phục vụ nền kinh tế xanh.

2. Vai trò của Hội Khuyến học trong triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh

Hội Khuyến học có trách nhiệm thúc đẩy giáo dục suốt đời, xây dựng xã hội học tập, từ đó đóng góp trực tiếp vào việc thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh. Các vai trò chính của Hội gồm:

a. Nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh thông qua hoạt động khuyến học

- Tổ chức các chương trình, hội thảo, tọa đàm về giáo dục bền vững, bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh cho các tầng lớp nhân dân.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về lối sống xanh, tiêu dùng xanh trong cộng đồng.

b. Lồng ghép giáo dục xanh vào chương trình học tập suốt đời

- Phát triển các chương trình học tập về bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn.

- Thúc đẩy phong trào "Xanh hóa trường học", khuyến khích các hoạt động học tập trải nghiệm về bảo vệ thiên nhiên.

c. Xây dựng mô hình khuyến học gắn với tăng trưởng xanh

- Phát triển mô hình "Gia đình học tập xanh", "Dòng họ học tập xanh", "Cộng đồng học tập bền vững".

- Hỗ trợ các dự án học tập hướng tới phát triển bền vững, như thư viện xanh, trường học sinh thái, v.v.

d. Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực xanh

- Liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức giáo dục để cung cấp học bổng, hỗ trợ học tập trong các lĩnh vực liên quan đến tăng trưởng xanh.

- Thúc đẩy đào tạo kỹ năng lao động xanh để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế bền vững.

g. Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động khuyến học

- Phát triển các nền tảng học tập trực tuyến nhằm giảm thiểu sử dụng tài nguyên và mở rộng cơ hội học tập cho cộng đồng.

- Khuyến khích học tập về công nghệ xanh, trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

3. Kết luận: Hội Khuyến học Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giáo dục bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, hợp tác và xây dựng mô hình khuyến học gắn với phát triển bền vững, Hội đóng góp trực tiếp vào quá trình chuyển đổi xanh của đất nước, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững vào năm 2050.

III. Khuyến học xanh trước yêu cầu phát triển xanh và tăng trưởng xanh của đất nước

Trước xu hướng phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, **Khuyến học xanh** không chỉ đơn thuần là việc thúc đẩy học tập suốt đời mà còn tập trung vào việc hình thành tư duy, thái độ và kỹ năng phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế xanh.

1. Khuyến học xanh theo hướng có "Tư duy xanh" để hướng hành vi, có hành động đúng trong đời sống sinh hoạt, ứng xử với thiên nhiên, lao động sản xuất theo quan điểm "xanh hóa"

Tư duy xanh là nền tảng quan trọng giúp mỗi cá nhân chủ động điều chỉnh hành vi của mình theo hướng bền vững. Điều này thể hiện qua các khía cạnh sau:

a. Trong đời sống sinh hoạt

- Tiêu dùng bền vững có trách nhiệm: Hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, ưu tiên sản phẩm thân thiện với môi trường. Hạn chế sử dụng tài nguyên không tái tạo.

- Tiết kiệm tài nguyên: Sử dụng điện, nước hợp lý, giảm phát thải, rác thải sinh hoạt. Khuyến khích cộng đồng tham gia các hoạt động nhằm bảo vệ môi trường như trồng cây, dọn dẹp vệ sinh nhà ở, nơi làm việc và nơi công cộng.

- Ứng dụng công nghệ xanh: Sử dụng các công nghệ mới giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, như năng lượng tái tạo và sản xuất sạch.

- Thực hành lối sống xanh: Hạn chế xe cá nhân, sử dụng phương tiện công cộng hoặc đi xe đạp khi có thể.

b. Trong ứng xử với thiên nhiên

- Trân trọng và bảo vệ thiên nhiên: Hạn chế khai thác tài nguyên quá mức, tham gia trồng cây, bảo vệ rừng và nguồn nước.

- Xử lý rác thải đúng cách: Phân loại rác tại nguồn, tái chế và tái sử dụng để giảm ô nhiễm môi trường.

c. Trong lao động sản xuất

- Áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn: Tiết kiệm nguyên liệu, giảm phát thải chất thải độc hại.

- Chuyển đổi nghề nghiệp theo hướng xanh: Tiếp cận các ngành nghề thân thiện với môi trường như nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo, công nghệ xanh.

- Tạo môi trường làm việc xanh: Giảm thiểu ô nhiễm trong sản xuất, sử dụng thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng.

Kết luận

Khuyến học xanh không chỉ đơn thuần là học tập tri thức mà còn là sự chuyển đổi tư duy, hành vi và thói quen của mỗi cá nhân để góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Mỗi người cần rèn luyện tư duy xanh, thực hành lối sống xanh và đóng góp vào nền kinh tế xanh thông qua hành động cụ thể trong cuộc sống hằng ngày, trong lao động sản xuất và trong ứng xử với thiên nhiên.

2. Khuyến học xanh theo hướng "Lối sống xanh" trong môi trường sống hiện nay

Trước yêu cầu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh của đất nước, **Khuyến học xanh** không chỉ hướng đến việc nâng cao tri thức mà còn giúp mỗi cá nhân rèn luyện ý thức, kỹ năng và hành vi sống xanh. Lối sống xanh là yếu tố quan trọng trong việc giảm tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và góp phần vào sự phát triển bền vững.

Nội dung chính của lối sống xanh:

2.1. Bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn môi trường sống

- Hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần, phân loại và tái chế rác thải.

- Tiết kiệm điện, nước, năng lượng và các nguồn tài nguyên khác.

- Trồng cây xanh, bảo vệ rừng, nguồn nước, hạn chế khai thác tài nguyên quá mức.

- Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như dọn rác, bảo vệ động vật hoang dã.

- Hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, thay thế bằng các sản phẩm tái sử dụng.

- Ưu tiên mua sắm các sản phẩm thân thiện với môi trường, có chứng nhận sinh thái.

- Hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân, ưu tiên phương tiện công cộng, đi bộ hoặc xe đạp khi có thể.

- Sử dụng phương tiện tiết kiệm nhiên liệu hoặc chạy bằng năng lượng tái tạo (xe điện, xe hybrid).

- Sử dụng thực phẩm hữu cơ, hạn chế tiêu thụ sản phẩm có nguồn gốc từ động vật quý hiếm.

- Hạn chế lãng phí thực phẩm, sử dụng thực phẩm theo mùa để giảm áp lực lên môi trường.

2.2. Xây dựng không gian sống xanh

- Thiết kế và cải tạo nhà cửa theo hướng tiết kiệm năng lượng, tăng cường ánh sáng và thông gió tự nhiên.

- Sử dụng các sản phẩm nội thất và vật liệu thân thiện với môi trường.

- Tham gia các hoạt động cộng đồng về bảo vệ môi trường, phát triển không gian *xanh đô thị.*

2.3. Sống đoàn kết, nhân ái

- Hỗ trợ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng.

- Khuyến khích chia sẻ tri thức, kinh nghiệm trong học tập và lao động.

- Xây dựng tinh thần hợp tác, đoàn kết trong gia đình, trường học và nơi làm việc.

- Góp phần vào các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo, bảo vệ quyền lợi của các nhóm yếu thế.

2.4. Sống có văn hóa, có trách nhiệm với xã hội

- Ứng xử lịch sự, tôn trọng sự khác biệt, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

- Thực hành văn hóa giao thông, không xả rác nơi công cộng.

- Lan tỏa những thói quen tốt, giữ gìn nếp sống văn minh, lành mạnh.

- Thực hiện trách nhiệm công dân, tham gia xây dựng cộng đồng bền vững.

2.5. Sống sáng tạo, đổi mới trong lao động và học tập

- Nâng cao tinh thần học tập suốt đời, tiếp cận tri thức mới về công nghệ và môi trường.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống để tối ưu hóa nguồn tài nguyên.

- Khuyến khích sáng kiến xanh, sản xuất sạch hơn và sử dụng năng lượng tái tạo.

- Xây dựng mô hình khuyến học gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Kết luận

Lối sống xanh không chỉ là xu hướng mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân để bảo vệ môi trường và hướng đến sự phát triển bền vững của đất nước. Mỗi người cần chủ động thay đổi thói quen hằng ngày, áp dụng các nguyên tắc tiêu dùng xanh, tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu rác thải và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, sống đoàn kết, nhân ái, có trách nhiệm với cộng đồng và không ngừng sáng tạo để thích ứng với nền kinh tế xanh. Đây chính là nền tảng để xây dựng một xã hội học tập gắn với tăng trưởng xanh, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

3. Khuyến học xanh theo hướng hình thành "Kỹ năng xanh" để từng bước hiện thực hóa lối tư duy xanh và gìn giữ được lối sống xanh trong sinh hoạt gia đình, hoạt động nghề nghiệp và thực hiện văn hóa ứng xử trong cộng đồng (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng số... theo hướng tư duy xanh)

Trong bối cảnh phát triển bền vững và tăng trưởng xanh, Khuyến học xanh không chỉ hướng đến việc thay đổi nhận thức mà còn giúp mỗi cá nhân trang bị các kỹ năng xanh để hiện thực hóa tư duy xanh và duy trì lối sống xanh. Những kỹ năng này giúp mỗi người có thể áp dụng vào sinh hoạt gia đình, hoạt động nghề nghiệp và thực hiện văn hóa ứng xử trong cộng đồng, tạo ra một xã hội phát triển bền vững.

Nội dung của "Kỹ năng xanh" bao gồm:

3.1. Kỹ năng giao tiếp xanh

- Giao tiếp với thái độ thân thiện, tích cực, khuyến khích lối sống xanh trong cộng đồng.

- Sử dụng các phương tiện giao tiếp (trực tiếp, mạng xã hội, hội thảo) để lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các chiến dịch tuyên truyền về tiêu dùng xanh, hạn chế rác thải, bảo vệ thiên nhiên.

3.2. Kỹ năng ứng xử xanh

- Ứng xử có trách nhiệm với thiên nhiên: không xả rác, bảo vệ tài nguyên, tôn trọng động thực vật.

- Ứng xử có văn hóa trong cộng đồng: đoàn kết, tương trợ, bảo vệ môi trường sống chung.

- Thực hành tiêu dùng bền vững: tiết kiệm điện, nước, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa.

3.3. Kỹ năng số theo hướng tư duy xanh

- Ứng dụng công nghệ số để tiết kiệm tài nguyên (sử dụng tài liệu điện tử thay vì giấy, họp trực tuyến thay vì đi lại…).

- Sử dụng nền tảng học tập trực tuyến để nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh.

- Áp dụng công nghệ xanh trong sản xuất, kinh doanh, như thương mại điện tử thân thiện với môi trường, quản lý năng lượng bằng phần mềm thông minh.

3.4. Kỹ năng nghề nghiệp theo hướng xanh

- Nâng cao tay nghề trong các lĩnh vực thân thiện với môi trường như nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn.

- Học cách áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn, giảm thiểu rác thải, tiết kiệm tài nguyên trong công việc.

- Đổi mới tư duy nghề nghiệp để thích nghi với xu hướng phát triển bền vững.

Kết luận

Khuyến học xanh không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn tập trung vào việc phát triển các kỹ năng xanh, giúp mỗi cá nhân có thể sống xanh, làm việc xanh và giao tiếp xanh. Việc rèn luyện các kỹ năng này sẽ góp phần xây dựng một xã hội bền vững, hướng đến sự phát triển lâu dài của đất nước.

IV. Giải pháp thúc đẩy khuyến học xanh tại tỉnh Thái Bình

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu đang đối mặt với các thách thức về môi trường và sự biến đổi khí hậu, giáo dục không chỉ còn là hành trình tri thức mà còn cần mang sứ mệnh bảo vệ và xây dựng một thế giới bền vững hơn. Khuyến học xanh là một hướng đi mới trong giáo dục, nhằm kết hợp giữa việc học tập và bảo vệ môi trường.

"Xanh" ở đây không chỉ là màu của thiên nhiên mà còn tượng trưng cho sự sống, sự lành mạnh, và tư duy bền vững.

Khuyến học xanh là việc tích hợp các giá trị môi trường vào các chương trình học tập, khuyến khích mỗi cá nhân học không chỉ để phát triển bản thân mà còn để đóng góp vào việc bảo vệ hành tinh.

Khuyến học xanh là phong trào thúc đẩy học tập gắn liền với ý thức bảo vệ môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững.

2. Vì sao phải thúc đẩy Khuyến học xanh tại tỉnh Thái Bình

Hoạt động "khuyến học xanh" tại tỉnh Thái Bình từ lâu được tích hợp trong hoạt động k**ết hợp giáo dục và bảo vệ môi trường với c**ác phong trào như "Trường học sáng – xanh – sạch – đẹp", "Khu dân cư xanh, sạch, đẹp", " Đẹp như công viên, sạch như bệnh viện", "Khu đô thị văn minh"... và các hoạt động tham gia Đề án trồng 1 tỷ cây xanh. Tất cả đều thể hiện sự lồng ghép yếu tố môi trường trong hoạt động giáo dục và hoạt động cộng đồng nhằm giúp cho người dân, học sinh hình thành ý thức bảo vệ môi trường từ sớm. Tỉnh Thái Bình đã có những bước đi đúng hướng khi lồng ghép các yếu tố bảo vệ môi trường vào trường học hạnh phúc, ngôi nhà thông minh, cộng đồng an toàn phát triển bền vững giúp người dân hiểu rõ hơn về trách nhiệm xã hội của cá nhân.

Tỉnh Thái Bình đang có chiến dịch truyền thông mạnh mẽ để nâng cao nhận thức về mối liên hệ giữa giáo dục và bảo vệ môi trường trong cộng đồng, xây dựng thư viện xanh, ngôi nhà xanh, cộng đồng xanh, ứng phó những biến đổi khí hậu..; tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rác thải trong gia đình, trường học và cộng đồng.

Hiện nay, môi trường toàn cầu đang bị đe dọa: Tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... đều đang đặt ra những thách thức lớn. vì vậy giáo dục phải là công cụ thay đổi tư duy và hành động của con người.

Bản chất của giáo dục tạo ra, thúc đẩy sự thay đổi xanh: Trang bị cho học sinh, sinh viên kiến thức về môi trường và các kỹ năng sống xanh bền vững; tạo thế hệ công dân có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

Khuyến học xanh hãy bắt đầu từ những hành động nhỏ như sử dụng giấy tái chế, tiết kiệm điện nước, hay chỉ đơn giản là nhắc nhở nhau về ý thức bảo vệ thiên nhiên. Một tương lai bền vững sẽ bắt đầu từ những điều nhỏ nhặt mà chúng ta thực hiện hôm nay.

3. Một số giải pháp cơ bản thúc đẩy khuyến học xanh tại tỉnh Thái Bình

Để phát triển phong trào khuyến học xanh tại Thái Bình một cách hiệu quả và bền vững, cần xây dựng các giải pháp cụ thể, đồng bộ và dựa trên sự tham gia của cả cộng đồng. Dưới đây là các giải pháp trọng tâm:

3.1. Tăng cường ý thức và nâng cao trách nhiệm của cộng đồng về phong trào khuyến học xanh

a. Đẩy mạnh công tác truyền thông

Phát động chiến dịch truyền thông toàn tỉnh để nâng cao nhận thức xã hội về khuyến học xanh, thông qua các phương tiện như:

- Báo chí, đài truyền hình, mạng xã hội

- Các hội thảo, tọa đàm tại các xã, phường, ...

- Sử dụng các câu chuyện thành công từ các mô hình khuyến học xanh tiêu biểu và thực tiễn để truyền cảm hứng.

b. Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong gia đình

- Khuyến khích phụ huynh cùng con em thực hiện các hành động như: phân loại rác tại nhà, tiết kiệm điện nước, và trồng cây xanh, nông nghiệp xanh.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt cộng đồng tại các nhà văn hóa để hướng dẫn thực hiện lối sống xanh.

3.2. Phát triển các chương trình hỗ trợ và chính sách ưu đãi thúc đẩy phong trào khuyến học xanh

a. Tạo nguồn quỹ "Khuyến học xanh"

- Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cá nhân

- Phát động phong trào gây quỹ với hình thức sáng tạo như:

Ngày hội tái chế: thu gom rác thải để đổi lấy tiền cho quỹ.

Chương trình "Một cây xanh, một cơ hội học tập" khuyến khích trồng cây gây quỹ.

b. Ưu tiên hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó: Dùng quỹ "Khuyến học xanh" để trao học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là các em có đóng góp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

c. Chính sách hỗ trợ trường học: Hỗ trợ tài chính và kỹ thuật để trường học triển khai các dự án môi trường

- Lắp đặt thùng rác phân loại.

- Xây dựng vườn trường, thư viện xanh.

3.3. Lồng ghép khuyến học xanh vào giáo dục

a. Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình học

Lồng ghép các kiến thức về bảo vệ môi trường vào các môn học như Khoa học, Địa lý, Giáo dục công dân, ...

Tổ chức các buổi học thực hành ngoài trời tại vườn trường, khu bảo tồn tự nhiên hoặc vùng trồng lúa đặc trưng của Thái Bình.

b. Xây dựng phong trào học sinh xanh

Thành lập các câu lạc bộ bảo vệ môi trường trong trường học, giao cho học sinh tự quản lý các dự án như:

- Phân loại rác

- Trồng và chăm sóc cây xanh

- Tổ chức các cuộc thi sáng tạo như: làm đồ tái chế, thiết kế poster bảo vệ môi trường.

3.4. Tổ chức các hoạt động cộng đồng xanh

a. Ngày hội "Khuyến học xanh"

Tổ chức hàng năm với các hoạt động:

- Trao học bổng xanh

- Trưng bày sản phẩm tái chế của học sinh

- Các trò chơi và hội thảo về bảo vệ môi trường xanh.

b. Chương trình "Hành động xanh vì giáo dục" Kêu gọi cộng đồng tham gia các hoạt động như:

- Trồng cây gây quỹ học bổng

- Dọn vệ sinh tại các trường học và khu dân cư.

c. Phong trào "Gia đình xanh - Gương sáng học tập"

- Kết hợp giữa bảo vệ môi trường và thúc đẩy học tập trong gia đình

- Vinh danh các gia đình tiêu biểu trong việc thực hiện lối sống xanh và hỗ trợ con em học tập.

3.5. Tăng cường hợp tác và kết nối

a. Kết nối với doanh nghiệp xanh: Hợp tác với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tái chế, sản xuất sạch để tài trợ kinh phí và cung cấp tài nguyên cho các dự án khuyến học xanh.

b. Hợp tác với tổ chức phi chính phủ: Kêu gọi sự hỗ trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước có các chương trình liên quan đến giáo dục và môi trường.

c. Liên kết với các địa phương

- Học hỏi kinh nghiệm từ các tỉnh, thành phố khác về khuyến học gắn liền với bảo vệ môi trường.

- Tổ chức giao lưu giữa các trường học và địa phương để chia sẻ kinh nghiệm và ý tưởng.

3.6. Xây dựng cơ sở hạ tầng xanh cho giáo dục

a. Phát triển trường học xanh

- Thiết kế không gian trường học thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo, lắp đặt hệ thống nước tái sử dụng.

- Tạo các khu vực học tập ngoài trời với cây xanh và không khí trong lành.

b. Triển khai hệ thống quản lý rác thải trong trường học và cộng đồng

- Lắp đặt thùng rác phân loại

Tổ chức hướng dẫn học sinh, người dân về cách quản lý rác hiệu quả.

3.7. Đánh giá và cải tiến phong trào Khuyến học xanh

a. Xây dựng bộ chỉ số đánh giá

Theo dõi mức độ tham gia của học sinh, giáo viên và cộng đồng trong các hoạt động khuyến học xanh.

Đo lường tác động về nhận thức và hành động của học sinh đối với môi trường.

b. Điều chỉnh kế hoạch

Tổ chức các buổi đánh giá định kỳ để rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp mới.

Thường xuyên cập nhật mô hình khuyến học xanh để phù hợp với thực tế.

Các giải pháp trên đây sẽ giúp thúc đẩy phong trào khuyến học xanh tại Thái Bình, gắn kết giáo dục với bảo vệ môi trường, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của địa phương. Để đạt hiệu quả cao, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, nhà trường, doanh nghiệp, và cộng đồng.

Khuyến học xanh không chỉ đơn thuần là một phong trào giáo dục mà còn là một triết lý sống bền vững. Mỗi cá nhân, từ học sinh, phụ huynh, đến nhà giáo dục, đều có thể góp phần lan tỏa tinh thần này. Bảo vệ môi trường không phải là nhiệm vụ của riêng ai, mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

Phần 3. CÁC BÁO CÁO THAM LUẬN

CHUYỂN ĐỔI XANH TRONG NGÀNH GIÁO DỤC - HƯỚNG ĐI BỀN VỮNG CHO TƯƠNG LAI

Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình

Nội hàm về "Chuyển đổi xanh trong ngành giáo dục và đào tạo" rất rộng, liên quan đến chuyển đổi xanh trong công tác quản lý, các hoạt động giáo dục; chuyển đổi xanh của nhiều đối tượng: con người (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên); môi trường giáo dục và tác động của xã hội đến môi trường giáo dục…. Trong những năm qua, trước tác động của đại dịch Covid 19, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm cao, ngành giáo dục và đào tạo Thái Bình đã có những bước tiến đáng kể trong quá trình chuyển đổi xanh, góp phần nâng cao chất lượng GDĐT và thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh. Một trong những mục tiêu hướng tới của ngành giáo dục và đào tạo hiện nay là "Chuyển đổi xanh trong ngành giáo dục và đào tạo - hướng đi bền vững cho tương lai"

I. CHUYỂN ĐỔI XANH TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Chuyển đổi xanh trong công tác quản lý

- Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thái Bình đã triển khai đồng bộ phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu ngành GDĐT trên địa bàn toàn tỉnh. Theo đó, Sở GDĐT, các Phòng GDĐT huyện, thành phố chỉ đạo, phân công bộ phận phụ trách công nghệ thông tin làm đầu mối kỹ thuật phụ trách quản trị phần mềm cơ sở dữ liệu GDĐT ở địa phương; tổ chức hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ sử dụng, quản lý và cấp tài khoản sử dụng cho các đơn vị và cá nhân trong phạm vi quản lý. Các cơ sở giáo dục tổ chức thu thập, cập nhật và báo cáo dữ liệu của đơn vị trên cơ sở dữ liệu GDĐT. Bên cạnh đó, Sở GDĐT còn thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Việc ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý giúp ngành GDĐT nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Công tác quản lý học sinh được triển khai hiệu quả thông qua việc ứng dụng hạ tầng số để quản lý học sinh trong và ngoài nhà trường học như triển khai học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử, các nhóm chat trao đổi thông tin trên các mạng xã hội giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, điểm danh điện tử tại một số cơ sở giáo dục mầm non... Năm 2024, Thái Bình là một trong 04 tỉnh trên toàn quốc thí điểm thành công mô hình số hóa sổ đoàn viên, thẻ đoàn viên điện tử trên ứng dụng Thanh niên Việt Nam và Phần mềm Quản lý đoàn viên, qua đó góp phần quản lý học sinh, nhất là học sinh cấp THPT thuận tiện, hiệu quả.

- Công tác quản lý cán bộ, giáo viên ngành GDĐT được đẩy mạnh số hóa thông qua việc cập nhật dữ liệu trên hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ

đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời khai thác hiệu quả hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, trao đổi thông tin, báo cáo đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Công tác tổ chức họp, học tập, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên được ngành GDĐT tích cực chuyển đổi sang hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến, qua đó mang lại hiệu quả cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo liên thông, thống nhất, không có độ trễ và tiết kiệm kinh phí, thời gian.

2. Chuyển đổi xanh các hoạt động giáo dục

- Hoạt động dạy và học tại các cơ sở giáo dục được triển khai nghiêm túc theo chỉ đạo của Bộ GDĐT và của tỉnh, theo đó một trong các nhiệm vụ được ưu tiên triển khai đó là công tác xanh hóa, số hóa nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện. Các nội dạy học được xanh hóa với đặc trưng là gắn giáo dục với môi trường: đưa các nội dung về biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường vào môn học và hoạt động giáo dục phù hợp; khuyến khích các hoạt động giáo dục trải nghiệm, học tập, giáo dục kỹ năng sống ngoài trời, tiếp cận thiên nhiên nhằm xây dựng ý thức bảo vệ thiên nhiên thông qua giáo dục… Bên cạnh đó, ngành GDĐT thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, kỹ năng của cán bộ, công chức, viên chức, học sinh về chuyển đổi số, tuyên truyền các quy định của Luật An ninh mạng, Bộ quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin, phòng chống bạo lực, xâm hại trên không gian mạng...

- Phương pháp, hình thức dạy và học được cán bộ, giáo viên và học sinh liên tục cập nhật, đổi mới, sáng tạo trên cơ sở thực hiện mục tiêu giáo dục là giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực, kết hợp hài hòa giữa đức, trí, thể, mỹ và chú trọng thực hành theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đội ngũ giáo viên là nhân tố vừa đóng góp vừa khai thác hiệu quả các kho tài liệu, học liệu số trong xây dựng giáo án, bài giảng điện tử; tổ chức các lớp học, tiết học trực tuyến đồng thời hỗ trợ học sinh từ xa các hoạt động tâm lý học đường, công tác xã hội trường học thông qua không gian mạng, đảm bảo riêng tư, hiệu quả, kịp thời. Bên cạnh đó, học sinh được khuyến khích và yêu cầu trong từng trường hợp ứng dụng các thành tựu của chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ học tập trong và ngoài nhà trường. Hiện tại, phần lớn các cơ sở giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh đều trang bị phòng máy tính, camera giám sát, bảng điện tử, TV thông minh, máy chiếu đến các lớp học; đa số học sinh có điều kiện, cơ hội tiếp cận, khai thác tài nguyên giáo dục số, thư viện xanh, thư viện điện tử, các nền tảng học trực tuyến góp phần xanh hóa, số hóa các hoạt động dạy và học, thúc đẩy học tập bền vững.

- Ngành GDĐT tích cực triển khai tổ chức các cuộc thi, hội thi nhằm khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật,triển khai các cuộc thi trực tuyến với yêu cầu số hóa về hình thức, nội dung dự thi ngày càng cao. Hằng năm, Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh học sinh trung học được tổ chức với ưu tiên các dự án đổi mới, sáng tạo về khoa học kỹ thuật, bảo vệ môi trường; các cuộc thi trực tuyến lớn của ngành GDĐT như Cuộc thi trực tuyến Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Cuộc thi trắc nghiệm trên internet tìm hiểu về danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn và các cuộc thi sáng tạo các nội dung số như làm phim, video biểu diễn, âm nhạc, nghệ thuật… được tổ chức thường xuyên, tạo phong trào thi đua sôi nổi. Bên cạnh

đó, ngành GDĐT khuyến khích, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia vào các hoạt động liên quan đến công tác chuyển đổi số như làm thẻ căn cước, thanh toán trực tuyến, đăng ký trực tuyến nguyện vọng tuyển sinh vào lớp 10, tuyển sinh cao đẳng, đại học hằng năm,

II. ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC BỀN VỮNG

1. Công tác xây dựng trường học xanh

Trường học xanh có thể được hiểu là mô hình trường học tạo ra môi trường thuận lợi cho việc học, giảm thiểu những tác động không mong muốn từ môi trường lên sức khỏe thể chất và tinh thần cho người học. Theo đó, ngành GDĐT Thái Bình đã tích cực tham mưu với cấp có thẩm quyền đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng, cải tạo cảnh quan, môi trường trong các cơ sở giáo dục; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường xây dựng văn hóa học đường, công tác y tế học đường, tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục tích cực đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục học sinh các quy định pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa các loại hình tội phạm, tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học; củng cố, duy trì và nhân rộng các mô hình "Cổng trường an toàn giao thông", "Tổ tự quản về an ninh, trật tự học đường" qua đó góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường

Các hoạt động bảo vệ môi trường được ngành GDĐT thường xuyên tổ chức và phối hợp triển khai hiệu quả thông qua hạt nhân là các tổ chức Đoàn, Đội trong các cơ sở giáo dục. Học sinh là đội viên, đoàn viên được tham gia các hoạt động góp phần bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi, cấp học như các chương trình Kế hoạch nhỏ, Mùa hè Xanh, Kỳ nghỉ Hồng, Ngày Chủ nhật Xanh…với các hoạt động nổi bật như tham gia đảm bảo trật tư an toàn giao thông, xây dựng đô thị văn minh, các hoạt động trồng cây xanh, dọn và phân loại rác, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu…

Hằng năm, Sở GDĐT phối hợp với Sở tài nguyên và Môi trường tổ chức hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Ngày Môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường, Lễ ra quân hưởng ứng chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn tại các cơ sở giáo dục phổ thông nhằm truyền tải mạnh mẽ thông điệp, hành động xây dựng lối sống bền vững, thân thiện với thiên nhiên, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững đất nước. Năm 2023, Thái Bình có 01 học sinh đạt giải Nhất Cuộc thi Hùng biện tiếng Anh cho trẻ em về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, là tấm gương tiêu biểu cho học sinh tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

- Chuyển đổi xanh trong ngành GDĐT được các cấp có thẩm quyền quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để chỉ đạo triển khai đồng bộ, trong đó nổi bật là công tác đầu tư cơ sở vật chất tảng thiết bị công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

- Công tác quản lý và các hoạt động dạy và học trong toàn ngành được số hóa, xanh hóa, tạo môi trường giáo dục linh hoạt, nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu của người học trong thời đại 4.0 .

2. Hạn chế, khó khăn

- Một số cán bộ, giáo viên chưa khai thác hiệu quả các thiết bị, ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý và dạy học.

- Kiến thức, kỹ năng số, khả năng, điều kiện tiếp cận môi trường số của học sinh không đồng đều tại các khu vực, địa phương.

- Gia tăng nguy cơ mất an toàn thông tin và bị lạm dụng, xâm hại, tấn công trên không gian mạng, đặc biệt là đối với học sinh trong độ tuổi trẻ em.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO

- Tiếp tục truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác chuyển đổi xanh, số hóa giáo dục. Quan tâm đầu tư nguồn lực về cơ sở vật chất hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của ngành giáo dục đồng đều tại các địa phương.

- Xây dựng lộ trình triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số giáo dục, trong đó tập trung vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ năng dạy học và đánh giá trong môi trường số.

- Nghiên cứu, xây dựng các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin trong giáo dục số như ban hành các chính sách và quy định về bảo mật; cập nhật và bảo trì phần mềm; sử dụng mã hóa dữ liệu; quản lý truy cập, sao lưu dữ liệu; nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên chủ chốt trong các cơ sở giáo dục về an ninh mạng.

- Xây dựng và triển khai các chương trình phối hợp giữa ngành GDĐT với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các cơ sở đào tạo uy tín nhằm thúc đẩy hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn cũng như kết nối các ý tưởng, dự án khoa học kỹ thuật về bảo vệ môi trường của học sinh với các tổ chức, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ học sinh nghiên cứu, hiện thực hóa các giải pháp bảo vệ môi trường, khởi nghiệp sáng tạo.

BÀI THAM LUẬN: KHUYẾN HỌC XANH

"Xanh hóa" các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả của công tác vận động, tập hợp, tôn vinh trí thức trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Thái Bình

Khuyến học xanh là một xu hướng tất yếu và cần thiết trong thời đại ngày nay. Khuyến học xanh hướng quá trình học tập suốt đời vào việc hình thành và phát triển những công dân học tập có những kỹ năng số, kỹ năng xanh, tư duy xanh để hướng đến lối sống xanh. Đây là sự kết hợp giữa giáo dục với các hành động thực tiễn nhằm tạo ra những thay đổi tích cực trong nhận thức và hành vi của cá nhân, tập thể hướng đến một tương lai xanh và bền vững. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động này, những năm qua, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh đã có những hoạt động thiết thực nhằm góp phần thúc đẩy một xã hội xanh để xây dựng xã hội học tập phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Cụ thể như sau:

1. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức theo hướng đề cao tư duy xanh, lối sống xanh, kỹ năng xanh

Nhằm thúc đẩy sáng tạo và tạo ra một thế hệ công dân toàn cầu có ý thức bền vững, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho trí thức trẻ tại các cơ quan, đơn vị và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh. Hàng chục lớp tập huấn về các nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường, kỹ năng sống, kỹ năng số, ứng dụng công nghệ thông tin đã được tổ chức mỗi năm để góp phần bồi đắp tri thức và lòng đam mê sáng tạo, nghiên cứu khoa học trên cơ sở phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường cho thế hệ trẻ.

Với phương pháp tuyên truyền đa dạng, phong phú, Liên hiệp Hội không chỉ tổ chức các lớp tập huấn mà còn tập trung tuyên truyền về hoạt động Hội trên các nền tảng số và phương tiện truyền thông, xây dựng các chuyên mục về Hội thi, Cuộc thi sáng tạo trên báo chí, truyền hình, mạng xã hội; chủ động tạo ra các nội dung truyền thông tích cực để lan tỏa thông điệp sống xanh trong xã hội như tuyên truyền để người dân và học sinh nói không với rác thải nhựa, tuân thủ an toàn khi tham gia giao thông, giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sống, chung tay ứng phó biến đổi khí hậu…; đẩy mạnh các hoạt động phối hợp, hợp tác với các sở, ban, ngành, cơ sở giáo dục để nhân rộng các chiến dịch truyền thông. Đặc biệt là trong việc đưa giáo dục xanh vào trường học và cộng đồng. Liên hiệp Hội đã tư vấn để một số trường tích hợp nội dung về tư duy xanh vào chương trình giảng dạy; tổ chức các hoạt động ngoại khóa như "Ngày hội Sống Xanh", "Trường học không rác thải nhựa", trồng cây nhân dịp đầu xuân, khuyến khích học sinh, sinh viên sử dụng tài liệu số thay vì in giấy, tích cực tham gia các câu lạc bộ bảo vệ môi trường, đề xuất ý kiến để một số trường chủ động biên soạn tư liệu về hướng dẫn kỹ năng sống xanh cho học sinh nhằm xây dựng một môi trường "học tập xanh".

Ngoài ra, với việc tổ chức thành công nhiều kỳ Hội thi Sáng tạo KHCN&KT, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh, Liên hiệp Hội đã từng bước đưa phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật lan tỏa sâu rộng trong đội ngũ trí thức trên địa bàn

tỉnh. Từ Hội thi, Cuộc thi, nhiều ý tưởng xanh, sáng kiến hữu ích vì cộng đồng đã được ghi nhận và mang lại hiệu quả tích cực. Có thể kể đến một số giải pháp tiêu biểu như: công trình tổ hợp thuyền, máy phay, vớt bèo khơi thông dòng chảy, nâng cao hiệu quả lao động trong việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp (tác giả Trần Trọng Kim); công trình nghiên cứu bào chế nước hoa khô chứa tinh dầu chiết xuất từ cây hoa nhài tại trường ĐH Y Dược (tác giả Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn thị Lan); công trình Xây dựng mô hình trường học sinh thái tại các trường THCS huyện Thái Thụy (tác giả Nguyễn Hoài Nam, Trịnh Thị Thu Hiền)…

2. Tổ chức các Hội thảo khoa học nhằm kết nối trí thức, xây dựng cộng đồng học tập xanh

Những năm qua, Liên hiệp Hội đã liên tục tổ chức các Hội thảo, tạo diễn đàn kết nối trí thức nhằm tăng cường ứng dụng thực tiễn và thúc đẩy tư duy xanh. Việc tổ chức hội thảo khoa học không chỉ giúp chia sẻ tri thức mà còn là cầu nối giữa các chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên, sinh viên và cộng đồng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững. Các hội thảo đã tập trung vào nhiều vấn đề như: phát triển sinh vật cảnh, nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ số, công nghệ xanh vào sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo, kiến tạo hệ sinh thái giáo dục bền vững, từ đó đưa ra các sáng kiến thực tiễn nhằm xây dựng một cộng đồng học tập xanh hiệu quả.

Để làm tốt công tác vận động, tập hợp trí thức, đặc biệt là chuyên gia tư vấn trong các lĩnh vực, hàng năm, Liên hiệp Hội đã tổ chức hàng chục hội thảo tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chương trình, đề án quan trọng của tỉnh. Việc tham gia tư vấn, phản biện các dự thảo chính sách theo hướng tư duy xanh đã góp phần không nhỏ trong việc tích hợp dữ liệu khoa học vào phản biện, giúp xây dựng mạng lưới trí thức xanh. Đây cũng là một xu hướng tất yếu để đảm bảo mọi quyết sách đều hướng tới phát triển bền vững. Dự thảo Đề án do Liên hiệp Hội tổ chức tư vấn phản biện đều được các đơn vị xây dựng dự thảo đánh giá cao, ghi nhận, bổ sung hoàn thiện như Đề án "Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035" của Sở Tài nguyên và môi trường, đề án "Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2017 - 2020" của Sở Lao động Thương binh và Xã hội; "Đề án phát triển đàn trâu, bò thịt thương phẩm theo chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2019- 2025 và những năm tiếp theo"; Hội thảo góp ý dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi); Đề xuất giải pháp Bảo tồn nguồn gen cây thuốc nam tỉnh Thái Bình; góp ý Dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030...

Bên cạnh đó, Liên hiệp Hội còn tổ chức các hội thảo khoa học nhằm tập hợp đề xuất của trí thức các ngành giải quyết những tồn tại, khó khăn phát sinh trong thực tiễn như Hội thảo: "Cơ hội, thách thức và giải pháp phát triển bền vững ngành chăn nuôi tỉnh Thái Bình"; "Tác hại của việc sử dụng chất tạo nạc trong chăn nuôi"; Giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh Thái Bình... Tổ chức các tọa đàm: Vai trò của trí thức

Thái Bình trong cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0; cơ chế, chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ;… Trên cơ sở hiệu quả của hoạt động tư vấn, phản biện, vai trò của đội ngũ trí thức nói chung và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh nói riêng ngày càng được khẳng định.

3. Phát động phong trào sống xanh, công sở xanh trong cơ quan, đơn vị và tích cực tham gia các cuộc vận động do tỉnh tổ chức

Liên hiệp Hội đã xây dựng thành công mô hình công sở xanh trong tập thể cán bộ, CCVC cơ quan. Mô hình này hướng đến việc tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rác thải, sử dụng tài nguyên hiệu quả và xây dựng văn hóa xanh trong hệ thống Liên hiệp Hội. Kết quả cho thấy, 100% cán bộ cơ quan đã có ý thức tiết kiệm hạn chế in ấn tài liệu để sử dụng mã QR trong các cuộc họp, nói không với rác thải nhựa, chai nước nhựa, túi cặp nhựa trong các Hội nghị; tất cả phòng, ban đều sử dụng đèn LED và thiết bị tiết kiệm điện, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên và thông gió tự nhiên để giảm điều hòa, quạt điện; tắt các thiết bị điện khi không sử dụng (máy tính, máy in, điều hòa…); giảm thiểu và phân loại rác thải tại nguồn trong mỗi gia đình và cơ quan, tích cực tái chế giấy, nhựa, kim loại, rác hữu cơ... 100% cán bộ tích cực ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực hiện công việc, chủ động thực hành lối sống xanh, nâng cao nhận thức về môi trường.

Tham gia cuộc vận động trí thức Thái Bình chung sức xây dựng Nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, Liên hiệp Hội đã vận động trí thức trên các lĩnh vực đóng góp ý kiến, trí tuệ góp phần xây dựng quê hương Thái Bình ngày càng phát triển. Hàng năm, Liên hiệp Hội đã tổ chức các lớp truyền thông cho hàng nghìn hộ dân về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, tập trung vào các nội dung như: cung cấp kiến thức về chăm sóc các cây vụ đông ngắn ngày như ớt, ngô, bí đao, cà chua bi, bắp cải, dưa hấu, khoai tây, xà lách; cách phòng và trị bệnh thường gặp trên cây màu vụ đông, cách bảo quản nông sản sau thu hoạch và định hướng thị trường tiêu thụ đối với những sản phẩm đạt tiêu chuẩn nông sản Vietgap; an toàn sinh học trong chăn nuôi, chuyển giao công nghệ truy xuất nguồn gốc và chống giả mã QR tập trung vào một số sản phẩm chủ lực; trang bị kiến thức về phân loại rác thải tại nguồn và kỹ thuật ủ phân vi sinh có sử dụng chế phẩm sinh học theo quy mô hộ gia đình; tuyên truyền các giải pháp nhằm đẩy mạnh tích tụ và tập trung ruộng đất nhằm phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao tại Thái Bình; việc xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cấp mã số vùng trồng cho sản phẩm nông nghiệp… Các lớp tập huấn đã giúp người dân hình thành ý thức ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời nâng cao giá trị hàng hóa, nông sản của các xã, góp phần chung tay cùng các cấp, các ngành xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian tới, để chương trình khuyến học xanh thực sự hiệu quả và lan tỏa rộng rãi, Liên hiệp Hội cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về tầm quan trọng của khuyến học xanh thông qua các kênh thông tin báo chí, mạng xã hội, đẩy mạnh việc tổ chức các Hội thảo, tọa đàm nhằm thúc đẩy tư duy xanh và ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động; chú trọng công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về giáo dục kỹ năng xanh, khuyến khích học sinh sinh viên tham gia các dự án môi trường, nghiên cứu khoa học xanh.

Hai là, tổ chức tốt các Hội thi, Cuộc thi phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nhân rộng các mô hình học tập xanh, các sáng kiến, ý tưởng sáng tạo trong đội ngũ trí thức và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

Ba là, tiếp tục thực hiện tốt các mô hình công sở xanh, sống xanh trong cán bộ công chức viên chức, từ đó góp phần nâng cao ý thức, thúc đẩy tư duy xanh.

Bốn là, tăng cường tổ chức các diễn đàn kết nối trí thức, các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng nhằm phát triển cộng đồng học tập xanh, kết nối trí thức để lan tỏa tư duy xanh trong xã hội.

Làm tốt các giải pháp trên, dưới sự chỉ đạo dứt khoát, quyết liệt của Liên hiệp Hội Việt Nam, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và với sự nỗ lực, nội lực, Liên hiệp Hội sẽ tự tin để vượt qua thách thức, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao góp phần cùng đảng bộ các cấp, các ngành kiến tạo kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ./.

BÁO CÁO THAM LUẬN HỘI THẢO

Khuyến học xanh ở trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình thực trạng và định hướng phát triển

Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình

1. Mở đầu

Khuyến học xanh là một mô hình giáo dục kết hợp giữa khuyến khích học tập và phát triển bền vững, khuyến khích, phát triển và tạo điều kiện để học sinh, sinh viên và cộng đồng có thể học tập trong một môi trường thân thiện với thiên nhiên. Cụ thể, Khuyến học xanh không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức mà còn tạo dựng những thói quen, lối sống bền vững, bảo vệ môi trường, góp phần hình thành nhân cách và trách nhiệm đối với cộng đồng và trái đất. Khuyến học xanh đối với Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình là việc tạo ra môi trường học tập trong lành, kết hợp giữa giáo dục và bảo vệ môi trường, giúp Nhà trường phát triển bền vững.

Giáo dục xanh là một phương pháp giáo dục mà trong đó, việc giảng dạy học tập không chỉ chú trọng đến các kiến thức, kỹ năng mà còn bao gồm cả việc nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ môi trường. Đây là một quá trình giáo dục mà qua đó học sinh, sinh viên được trang bị kiến thức về môi trường, cách thức bảo vệ và phát triển bền vững, đồng thời phát triển các giá trị đạo đức, trách nhiệm xã hội trong việc gìn giữ và bảo vệ thiên nhiên. Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình hiện nay tập trung đào tạo một số ngành nghề, giáo dục phổ thông và mầm non. Một là đào tạo giáo viên mầm non. Hai là đào tạo một số nghề thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Ba là tham gia hoạt động giáo dục phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12 và giáo dục mầm non. Giáo dục xanh của Nhà trường không chỉ là việc giáo dục về môi trường cho học sinh, sinh viên mà còn là việc tạo ra môi trường học tập xanh, lành mạnh và bền vững để học sinh, sinh viên có thể học hỏi và thực hành những kiến thức về bảo vệ thiên nhiên ngay trong chính môi trường học tập của mình.

2. Tầm quan trọng của Khuyến học xanh đối với Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình

Trong bối cảnh hiện nay, khi mà biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường đang đe dọa sự phát triển bền vững của xã hội, việc giáo dục cho học sinh, sinh viên về vấn đề bảo vệ môi trường trở thành một nhiệm vụ quan trọng không chỉ của các nhà khoa học, mà còn của các nhà giáo dục. Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, với vai trò đào tạo giáo viên, có trách nhiệm đặc biệt trong việc chuẩn bị cho những người thầy/cô tương lai có đầy đủ kiến thức chuyên môn và ý thức bảo vệ môi trường và truyền tải cho nhiều thế hệ sinh viên những kiến thức, kỹ năng, tình yêu và trách nhiệm trong việc học tập và phát triển bền vững.

Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình hoạt động với mô hình kết hợp giữa đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng và trường phổ thông nhiều cấp học trực thuộc, vấn đề này càng có vai trò quan trọng giúp cho các em từ học sinh mầm non đến sinh viên trình độ cao đẳng hình thành nhân cách, mở rộng sự hiểu biết, có ý thức học tập nâng cao trình

độ và hình thành lối sống, kỹ năng, tư duy cần thiết để góp phần xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

Khuyến học xanh còn giúp hình thành những giáo viên có khả năng giảng dạy tích hợp các môn học liên quan đến bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, giáo dục công dân và kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên là những thầy/cô trong tương lai.

Khuyến học xanh có thể giúp tạo ra một môi trường học tập sạch đẹp, an toàn, trong lành, thúc đẩy sự sáng tạo trong học tập và đời sống. Việc tham gia vào các hoạt động Khuyến học xanh không chỉ giúp học sinh, sinh viên, viên chức và người lao động trong nhà trường hình thành ý thức bảo vệ môi trường mà còn nâng cao khả năng sáng tạo và tư duy phản biện. Từ đó sẽ học được cách làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và có thể ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển kỹ năng sống và trở thành những công dân có trách nhiệm. Bên cạnh đó, việc học tập và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường sẽ giúp học sinh, sinh viên nâng cao sức khỏe, giảm căng thẳng, đồng thời cũng là một cách để kết nối với cộng đồng.

3. Thực trạng của công tác Khuyến học xanh tại Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình

Hiện nay, Nhà trường có tổng số 232 viên chức và người lao động thuộc 09 đơn vị. Số lượng học sinh mầm non là 591, Tiểu học là 134, Trung học cơ sở là 344, Trung học phổ thông là 1.212; học sinh Trung cấp nghề là 585 và sinh viên trình độ Cao đẳng là 483 em. Số lượng học sinh, sinh viên trong nhà trường đang theo học tương đối lớn và ở nhiều cấp học khác nhau nên nhà trường đã tổ chức mô hình Khuyến học xanh đa dạng về hình thức và loại hình cho phù hợp với nhiều đối tượng.

Đối với Trường Mầm non Hoa Hồng, trường trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, hằng năm, hằng tháng nhà trường thường xuyên kiểm tra đánh giá, xếp loại các lớp học việc thực hiện chủ đề "*Xây dựng lớp học Xanh - An toàn - Thân thiện*", tặng quà cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn vào ngày 1/6 hoặc Tết Nguyên Đán,…; xây dựng môi trường học tập gần gũi với thiên nhiên bằng việc trang trí lớp học, khuôn viên nhà trường xanh, sạch, đẹp. Các cô giáo cùng các cháu thường xuyên sử dụng các vật liệu có thể tái chế như bìa giấy, chai nhựa và các vật dụng đã qua sử dụng… để làm đồ dùng học tập, mô hình dạy học gần gũi với thiên nhiên như cây cỏ, con vật, hoa quả để tiết kiệm kinh phí, hạn chế thải rác ra môi trường. Phòng học và các đồ dùng ăn uống thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, khử khuẩn đúng cách đảm bảo bữa ăn đủ dinh dưỡng, hợp vệ sinh. Trong khuôn viên nhà trường với diện tích nhỏ vẫn dành một khoảng vườn nhất định để trồng rau xanh, cây bóng mát, cây ăn quả làm cho khuôn viên nhà trường thêm xanh, trong lành. Nhà trường thường xuyên lồng ghép nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong hoạt động chính khóa, ngoại khóa như trồng cây, chăm sóc cây xanh phù hợp với độ tuổi của trẻ.

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quách Đình Bảo trực thuộc Trường CĐSP Thái Bình thường xuyên tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục xanh. Chẳng hạn như "*Hội chợ tết quê em và trò chơi dân gian chào xuân*" vào dịp trước Tết Nguyên Đán hằng năm khuyến khích sử dụng các sản phẩm hữu cơ và trưng bày, bán các thực phẩm nông nghiệp xanh, sạch là đặc trưng của các vùng miền trong

tỉnh. Hoạt động "*Sân khấu hóa tác phẩm văn học*"… giúp các em nâng cao sự hiểu biết về văn hóa, lịch sử, kiến thức thực tiễn lồng ghép trong đó là giáo dục ý thức học tập, giữ gìn văn hóa, bảo vệ môi trường. Hoạt động "*Ngày hội STEAM - khơi dậy sáng tạo Ẩm thực truyền thống - Hướng tới tương lai"* tổ chức cho học sinh tạo ra các sản phẩm *STEAM* ý nghĩa, trong đó có các tiêu chí về bảo vệ môi trường. Vì vậy ngày hội là cơ hội để các lớp trưng bày, giới thiệu sản phẩm thiết kế là các đồ dùng, thiết bị dạy học từ vật liệu tái chế như truyện tranh, album, sa bàn, mô hình, bản đồ … hoặc gieo mầm cây. Cuộc thi "*Duyên dáng thời trang tái chế"* được Khoa Giáo dục phổ thông và Bồi dưỡng giáo viên - Trường CĐSP Thái Bình tổ chức tạo sân chơi cho các em học sinh trung cấp nghề thiết kế thời trang tái chế từ giấy, nhựa và các vật liệu có thể tái chế nhằm khơi dậy khả năng sáng tạo, ý thức bảo vệ môi trường. Năm 2025, học sinh Khoa Khoa Giáo dục phổ thông và Bồi dưỡng giáo viên tham gia Cuộc thi thiết kế thời trang "*Gen Z nét đẹp truyền thống - hiện đại*" do Tỉnh đoàn Thái Bình tổ chức và đạt giải Ba. Khoa còn tổ chức "*Hội chợ dân gian*" vào dịp cuối năm và nhiều hoạt động khác nhằm giới thiệu, quảng bá nhiều sản phẩm nông nghiệp xanh, ẩm thực đặc sắc cho mọi người đến thăm quan, thưởng thức.

Khoa Giáo dục Mầm non - đơn vị thuộc nhà trường đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng. Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động phục vụ dạy học, thực hành sư phạm để rèn nghề cho sinh viên: hoạt động thi đồ dùng, đồ chơi dạy học bằng những vật liệu tái chế, gần gũi với thiên nhiên, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia cuộc thi "*Học sinh, sinh viên sáng tạo nghiên cứu khoa học*", thường xuyên tổ chức thực hành tập dạy và các hoạt động văn hóa, văn nghệ bổ ích … tạo điều kiện cho các em được học nghề, rèn nghề, nâng cao kỹ năng chuyên môn, tạo ra một thế hệ giáo viên mầm non tương lai có trình độ chuyên môn vững vàng, yêu nghề, mến trẻ.

Các đơn vị Khoa, Trường thuộc và trực thuộc của Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình còn khơi dậy phong trào khuyến học từ việc xây dựng quỹ hội phụ huynh để trao quà, học bổng khuyến khích, động viên học sinh có thành tích tốt trong học tập, có hoàn cảnh khó khăn có ý chí vươn lên. Các đơn vị thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm tại một số địa danh trong và ngoài tỉnh, các sân chơi văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho học sinh, sinh viên để rèn luyện sức khỏe, gắn kết cộng đồng, khơi dậy tình yêu trường, lớp. Công tác vệ sinh trường, lớp luôn được chú trọng, đồ dùng lớp học bố trí ngăn nắp, gọn gàng, không gian lớp học được trang trí nhiều cây xanh, gần gũi với thiên nhiên.

Công đoàn Trường CĐSP Thái Bình và công đoàn bộ phận hàng năm tổ chức trao quà cho con cán bộ viên chức có thành tích tốt trong học tập, các cháu có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, các cháu là con cán bộ viên chức có hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập tốt. Đoàn thanh niên tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hiến máu tình nguyện, tiếp sức mùa thi… Mỗi hoạt động đều có ý nghĩa lớn giúp học sinh, sinh viên sống năng động, tích cực, có trách nhiệm với bản thân, tập thể, gia đình và xã hội. Đó cũng là những hoạt động góp phần nhỏ vào sự phát triển bền vững.

Nhà trường quan tâm chú trọng đến việc giáo dục ý thức tự học, tự nghiên cứu đối với toàn thể cán bộ viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên trong toàn trường

nhằm đáp ứng yêu của vị trí việc làm, thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, phát triển nhân cách, góp phần xây dựng một môi trường học tập hiệu quả, chuẩn mực, mô phạm. Nhà trường chú trọng xây dựng cơ sở vật chất: đầu tư trang thiết bị hiện đại, nâng cấp, sửa chữa các dãy nhà A1, A2, A3, A4, Phòng họp, Giảng đường… đáp ứng yêu cầu làm việc, học tập, vui chơi. Đầu năm nhà trường thường tổ chức và phát động tết trồng cây. Khuôn viên nhà trường được bố trí khoa học, công tác vệ sinh được phân thành 04 khu, giao cho các đơn vị phụ trách vệ sinh đảm bảo cảnh quan môi trường luôn sạch, đẹp. Các phòng họp nhà trường được sử dụng các chai thủy tinh đựng nước thay thế cho các chai nhựa. Toàn thể viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên trong nhà trường nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm điện, nước, giữ gìn vệ sinh phòng học, nơi làm việc.

Thư viện nhà trường được trang bị phần mềm giúp tự động hóa quá trình khai thác và sử dụng nguồn thông tin có giá trị. Vốn tài liệu được đầu tư hàng năm bám sát vào chương trình giáo dục và đào tạo của nhà trường, không gian thư viện được tổ chức gần gũi với người đọc. Hàng năm, thư viện tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Sách Việt Nam 21/4 như trưng bày, giới thiệu sách về các chủ đề giúp người đọc khơi dậy tình yêu với sách. Công tác vệ sinh tài liệu, phòng đọc được thực hiện thường xuyên vào thứ 6 hàng tuần.

4. Định hướng phát triển mô hình Khuyến học xanh ở Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình

Để Khuyến học xanh thực sự trở thành một phần không thể thiếu trong Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, Nhà trường tiếp chú trọng một số định hướng cơ bản sau:

- ***Chú trọng công tác khen thưởng*:** Đưa ra các hình thức khen thưởng cho học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc như học bổng, giấy khen, hoặc tổ chức các cuộc thi học thuật, giúp tạo động lực học tập. Khuyến khích tinh thần vượt khó đối với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng vẫn cố gắng vươn lên trong học tập, nhà trường cần có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích và giúp đỡ để học sinh tiếp tục cố gắng.

- ***Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường***: Một môi trường học tập xanh sẽ giúp học sinh, sinh viên nhận thức được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, từ đó biết cách bảo vệ và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững. Những bài học về tái chế, tiết kiệm năng lượng hay bảo vệ động thực vật sẽ giúp học sinh hình thành ý thức bảo vệ môi trường ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Tiếp tục tích hợp các môn học về bảo vệ môi trường vào chương trình giảng dạy và giáo dục các kỹ năng sống bền vững.

- ***Xây dựng môi trường học tập xanh:*** cần chú trọng đến việc phát triển cơ sở vật chất, trang bị các phòng học, thư viện và khuôn viên trường học thân thiện với thiên nhiên. Việc trồng cây xanh, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu chất thải nhựa trong khuôn viên trường sẽ giúp học sinh, sinh viên cảm nhận được tầm quan trọng của môi trường sống xung quanh. S**ử dụng tài liệu học tập thân thiện với môi trường,** khuyến khích sử dụng tài liệu điện tử thay vì tài liệu giấy, giảm thiểu việc sử dụng giấy, khuyến khích tái chế và sử dụng lại tài liệu học tập.

- ***Tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn liền với bảo vệ môi trường:*** Các buổi học ngoại khóa, hội thảo, cuộc thi sáng tạo trong việc tái chế, trồng cây, vẽ tranh về bảo vệ thiên nhiên hay các hoạt động tình nguyện giúp đỡ cộng đồng trong việc cải thiện môi trường sẽ là những trải nghiệm thú vị và bổ ích cho học sinh, sinh viên.

- ***Khuyến khích sự tham gia của học sinh, sinh viên, cán bộ, viên chức và người lao động trong toàn trường vào các dự án môi trường phát triển bền vững***, cũng như tạo cơ hội cho học sinh, sinh viên, viên chức sáng tạo các sản phẩm, đồ dùng học tập thân thiện với môi trường. Thành lập các câu lạc bộ môi trường, tổ chức các sự kiện, cuộc thi về bảo vệ môi trường như thi tìm hiểu kiến thức về môi trường, sáng tạo giải pháp bảo vệ thiên nhiên. **Khuyến khích học sinh, sinh viên sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường,** giảm thiểu rác thải nhựa. Đồng thời, nhà trường cũng cần tạo ra các hệ thống thu gom rác thải hợp lý và khuyến khích tham gia vào việc phân loại rác.

- ***Khuyến khích phương tiện giao thông thân thiện với môi trường***: Tổ chức các chiến dịch khuyến khích học sinh, sinh viên, viên chức và người lao động sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi bộ hoặc đi xe đạp thay vì sử dụng xe máy hay ô tô, giúp giảm thiểu ô nhiễm không khí và bảo vệ môi trường. Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, nhà trường có thể đầu tư vào các hệ thống năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho các khu vực trong trường. Sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng như đèn LED, máy điều hòa nhiệt độ tiết kiệm năng lượng để giảm lượng điện tiêu thụ trong trường.

5. Kết luận

Khuyến học xanh là một phần quan trọng trong việc xây dựng một môi trường giáo dục hiện đại và bền vững. Đặc biệt, đối với Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, Khuyến học xanh không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn góp phần phát triển một thế hệ giáo viên có trách nhiệm, có tầm nhìn và có khả năng giảng dạy thế hệ học trò trong một thế giới đang đối mặt với những thách thức về môi trường. Việc xây dựng và phát triển mô hình Khuyến học xanh trong Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, một ngôi trường có uy tín, bề dày 65 năm lịch sử, với số lượng người học có quy mô hàng nhiều ngàn người học ở nhiều nhóm ngành nghề đào tạo, nhiều bậc học, cấp học phổ thông càng có vai trò quan trọng, giúp hình thành, phát triển, hoàn thiện nhân cách cho các thế hệ học sinh từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp và sinh viên cao đẳng, giúp xây dựng và phát triển môi trường giáo dục và đào tạo toàn diện. Đây chính là cơ sở để đào tạo ra các thế hệ học sinh, sinh viên có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội trong việc tu dưỡng, rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội. Mỗi nhà trường đều chú trọng vào việc triển khai Khuyến học xanh sẽ góp phần xây dựng một tương lai tươi sáng và bền vững./.

THAM LUẬN: "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050" của ngành Y tế

Sở Y tế Thái Bình

I. Các nội dung thực hiện "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050" của ngành Y tế

Ngay khi Chính phủ ban hành Quyết định số 1658/QĐ-CP ngày 01/10/2021 về "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050" được sự chỉ đạo của Bộ Y tế, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế đã nghiêm túc, khẩn trương ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phụ trách trong đó tập trung vào các hoạt động như sau:

1. Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh xây dựng và có lộ trình thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn triển khai cơ sở y tế xanh, bền vững, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và sự cố môi trường.

2. Tăng cường phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc quản lý, giám sát các hoạt động phân loại, tiêu hủy và xử lý chất thải y tế đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định; chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ xanh, sử dụng năng lượng sạch, trong xử lý chất thải y tế.

3. Xây dựng Kế hoạch, triển khai thu thập, phân tích, các dữ liệu giám sát, để đánh giá, dự báo, cảnh báo sớm các mối nguy về sức khoẻ đặc biệt là các ảnh hưởng, tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí đến sức khỏe con người và môi trường.

II. Các nội dung chương trình "Khuyến học xanh" liên quan đến các hoạt động của ngành Y tế bao gồm:

1. Tư duy xanh: Giữ vững nền tảng đạo đức, chính trị, tư tưởng; không xem các sản phẩm đồi trụy, các tài liệu phản động, không bị lôi cuốn vào các hoạt động ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục, duy trì sức khỏe thể chất và tinh thần. Tuân thủ các quy định của Đảng, Nhà nước và Pháp luật.

2. Lối sống xanh: Duy trì lối sống lành mạnh, không tham gia các hoạt động có tính chất đồi trụy ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục. Sử dụng tài nguyên hiệu quả và ứng xử thân thiện với môi trường. Thực hiện môi trường xanh, sạch, đẹp tại các cơ sở y tế. Tuyên truyền về việc sử dụng các tài nguyên hợp lý, hạn chế phát sinh rác thải, bảo vệ môi trường.

3. Kỹ năng xanh: Giao tiếp ứng xử có văn hóa với thái độ thân thiện, tích cực giữa các cán bộ y tế và cán bộ y tế với bệnh nhân. Hỗ trợ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn. Ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý trong lĩnh vực y tế, hạn chế phát thải. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ để sẵn sàng thích ứng với các ảnh hưởng, tác động biến đổi khí hậu và xu hướng phát triển bền vững.

III. Các hoạt động của ngành Y tế đã triển khai

3.1. Công tác quản lý, chỉ đạo

- Về công tác giáo dục tư tưởng chính trị cán bộ Đảng viên và người lao động tại các cơ sở y tế: Ngành xây dựng, quán triệt và tổ chức học tập đầy đủ các Nghị quyết, Văn bản chỉ đạo triển khai của Bộ chính trị , Ban Bí thư, Chính phủ, Bộ Y tế, Tỉnh Ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Yêu cầu người cán bộ, đảng viên phải giữ vững lập trường tư tưởng, thể hiện niềm tin tuyệt đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Thường xuyên trau dồi, nâng cao kiến thức về chính trị, xã hội, chuyên môn nghiệp vụ.

- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 trong đó tăng cường công tác truyền thông để thay đổi nhận thức và hành vi của người dân trong việc thực hiện các hoạt động nhằm chống biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, phổ biến và triển khai thực hiện văn hoá công sở, văn hoá giao tiếp ứng xử của nhân viên y tế. Chỉ đạo tăng cường công tác khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh và nhân viên y tế để không ngừng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các đơn vị y tế.

- Kịp thời nắm bắt tâm tư, tình cảm, quan tâm tới đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ y tế, người lao động trong các cơ sở y tế. Động viên, chia sẻ với các trường hợp khó khăn; khen thưởng với các tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc trong lao động, công tác.

3.2. Công tác chuyên môn, nghiệp vụ

a) Về hoạt động xử lý rác thải

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và thực hiện nghiêm túc công tác xử lý rác thải tại nguồn của các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh bảo gồm cả các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập, các phòng khám,…

- Chủ động phân loại để có phương án xử lý rác thải tại cơ sở y tế theo quy định: Chất thải lây nhiễm, chất thải rắn thông thường, chất thải tái chế, chất thải nguy hại không lây nhiễm.

- Thực hiện nghiêm túc việc xử lý nước thải của các cơ sở y tế trước khi thải ra môi trường.

- Bố trí hợp lý thùng rác trong khuân viên cơ sở y tế và quy định về phân loại rác để bệnh nhân và người nhà chủ động thực hiện.

b) Thực hiện môi trường xanh, sạch, bền vững tại cơ sở y tế

- Triển khai thực hiện các quy định về cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp theo quy định của Bộ Y tế trong đó khuyến khích tăng cường không gian xanh tại các cơ sở y tế, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động của đơn vị.

- Tổ chức cuộc thi cơ sở y tế xanh, sạch đẹp lần thứ 1 cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (gồm các Bệnh viện tropng và ngoài công lập, Trung tâm Y tế, Trạm Y tế).

c) Về hoạt động chống biến đổi khí hậu và công tác chuẩn bị, ứng phó

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch số 80/KH-SYT ngày 22/04/2024 về hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Kế hoạch số 79/KH-SYT ngày 22/04/2024 về Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn ngành Y tế năm 2024, trong đó chuẩn bị cơ số thuốc, dụng cụ và thành lập các đội cấp cứu.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 về quy chuẩn địa phương về nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Tăng cường phát triển mạng lưới y tế, hạ tầng và nhân lực của các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh để nâng cao khả năng chống chịu, năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực.

- Nâng cao số lượng, tỷ lệ cơ sở y tế, khám chữa bệnh được cung cấp trang thiết bị dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu: 100% các Trạm y tế có y sĩ, bác sĩ làm việc tại trạm, có đủ trang thiết bị và đủ năng lực điều trị các bệnh nhạy cảm với biến đổi khí hậu như: sốt rét, tiêu chảy, hô hấp, tim mạch,…

- Tăng cường công tác thông tin, cảnh báo nguy cơ dịch bệnh, sức khỏe do thời tiết, khí hậu cực đoan nhất là các nội dung dự phòng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, người lao động trước tác động của nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn. Tăng cường công tác truyền thông về các hoạt động bảo vệ môi trường.

d) Về công tác đào tạo, tập huấn, ứng dụng công nghệ thông tin

- Chủ động đào tạo, cập nhật cho cán bộ y tế các tuyến về quản lý, phân loại rác thải trong cơ sở y tế. Triển khai và thực hiện báo cáo quản lý chất thải của cơ sở y tế trên hệ thống phần mềm quốc gia. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, thực hiện lộ trình chuyển giao bệnh án giấy sang bệnh án điện tử.

- Tăng cường công tác đào tạo về công tác truyền thông cho cán bộ y tế cơ sở về hoạt động phòng, chống biến đổi khí hậu, phòng, điều trị và truyền thông về các dịch bệnh liên quan do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu,…

e) Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể, văn hoá, thể thao, các hoạt động công đoàn, các hoạt động nhân ái

- Tổ chức Hội thi văn nghệ, thể thao của ngành và của các đơn vị nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho người lao động để cán bộ và người lao động.

- Tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên các trường hợp người lao động, cán bộ y tế có hoàn cảnh khó khăn. Triển khai chương trình "Mái ấm công đoàn" xây nhà cho các đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn trong ngành y tế.

- Kêu gọi, hỗ trợ giúp đỡ các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn điều trị tại các cơ sở y tế.

IV. Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của ngành Y tế liên quan đến nội dung "Khuyến học xanh"

4.1 Mục tiêu

Duy trì và mở rộng các hoạt động liên quan đến nội dung "Khuyến học xanh"

4.2. Về nhiệm vụ giải pháp

1. Thường xuyên tổ chức phổ biến, quán triệt các Nghị quyết, Văn bản của Đảng, Nhà nước và chính quyền để củng cố nền tảng chính trị, tư tưởng của cán bộ công nhân viên chức, người lao động trong các đơn vị y tế. Phát động phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc các hoạt động bảo vệ môi trường; việc phân loại, xử lý, tái chế rác thải của các đơn vị y tế. Khuyến khích các đơn vị nâng cao tỷ lệ sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, thực hiện các biện pháp giảm phát thải nhựa. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cở sở y tế, thực hiện bệnh án điện tử, sổ sức khoẻ điện tử trong khám, chữa bệnh cho người dân.

3. Triển khai thực hiện kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh. Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của các đơn vị y tế nhất là các mối nguy với sức khỏe cộng đồng, các dịch bệnh truyền nhiễm... tại tuyến y tế cơ sở.

4. Cải thiện cơ sở hạ tầng, nhân lực, trang thiết bị cho các đơn vị y tế. Chủ động trong thu hút nhân lực y tế vào làm việc tại các cơ sở y tế công lập. Tăng cường công tác đào tạo, phối hợp chuyển giao kỹ thuật để thực hiện các kỹ thuật cao, chuyên sâu phục vụ người dân trong tỉnh.

5. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao ý thức, nhận thức của người dân về giảm phát thải nhựa, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

Trên đây là báo cáo tham luận của ngành y tế về thực trạng triển khai thực hiện và các mục tiêu, giải pháp hoạt động liên quan đến việc thực hiện các nội dung "Khuyến học xanh" của ngành. Trân trọng cám ơn sự lắng nghe của các quý vị đại biểu tham dự hội thảo. Chúc hội thảo thành công rực rỡ.

THAM LUẬN: NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GÓP PHẦN THỰC HIỆN KHUYẾN HỌC XANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

ThS. Vũ Thùy Trang
Trường Đại học Thái Bình

TÓM TẮT

Việt Nam chúng ta hiện nay có định hướng dịch chuyển sang nền kinh tế xanh và quá trình này vẫn cần một thời gian dài lâu để chuyển mình. Trước khi hoàn thành mục tiêu đó sẽ còn xuất hiện rất nhiều các vấn đề về môi trường nếu như công dân không ý thức được vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường. Đặc biệt, việc giáo dục ý thức và trách nhiệm cho đối tượng là sinh viên - đội ngũ tri thức trẻ, tương lai của đất nước là điều vô cùng quan trọng và thiết yếu. Các cơ sở giáo dục đại học nói chung và Trường Đại học Thái Bình nói riêng đều nhận thức được vấn đề này và tiếp tục phát huy vai trò của các học phần bảo vệ môi trường trong chương trình đào tạo hiện nay. Bài viết này dựa trên mục tiêu xây dựng khuyến học xanh tại các cơ sở giáo dục, phân tích thực tiễn giảng dạy các học phần về bảo vệ môi trường tại Trường Đại học Thái Bình; đồng thời đưa ra một số định hướng để nâng cao vai trò của các học phần đó trong việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho người học.

Từ khóa: Bảo vệ môi trường; Khuyến học xanh; Giáo dục; Trường Đại học Thái Bình.

1. Mở đầu

Vấn đề bảo vệ môi trường (BVMT) hiện nay đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm. Trong chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2010 do Đại hội toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX thông qua, vấn đề BVMT được nhấn mạnh: *"Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"*[3]. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 với rất nhiều quy định mới, là cơ sở pháp lý quan trọng đáp ứng các yêu cầu BVMT trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Đặc biệt, vấn đề giáo dục nhận thức về môi trường trong trường học nói chung, trường đại học nói riêng được Đảng và Nhà nước vô cùng quan tâm, là tiền đề trong mọi hoạt động BVMT.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về môi trường và hoạt động giáo dục về bảo vệ môi trường

Khái niệm môi trường là một khái niệm có nội hàm rộng và được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Môi trường theo định nghĩa thông thường *"là toàn bộ nói*

[3] *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr.162

chung những điều kiện tự nhiên và xã hội trong đó con người hay một sinh vật tồn tại, phát triển trong mối quan hệ với con người hay sinh vật ấy"[4]; là *"sự kết hợp toàn bộ hoàn cảnh hoặc điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới sự tồn tại, phát triển của một thực thể hữu cơ".* Tại Điều 3 Luật bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 định nghĩa môi trường *"bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên".* Như vậy, theo cách định nghĩa của Luật bảo vệ môi trường thì con người trở thành trung tâm trong môi quan hệ với tự nhiên và dĩ nhiên mối quan hệ giữa con người với nhau tạo thành trung tâm đó chứ không phải mối liên hệ giữa các thành phần khác của môi trường.

BVMT là yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển của các quốc gia và được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, đặc biệt là biện pháp giáo dục. Ý thức của cộng đồng về BVMT sẽ được nâng cao thông qua các hoạt động tuyên truyền và giáo dục. Vai trò của giáo dục đặc biệt quan trọng. Khi con người đã có ý thức tự giác thì việc BVMT sẽ dễ dàng được thực hiện một cách có hiệu quả. Đó chính là thực chất và ý nghĩa của biện pháp giáo dục BVMT. Chính vì tầm quan trọng của giáo dục cộng đồng nên Tuyên bố Rio de Janeiro cũng đã coi đó là một nguyên tắc quan trọng mà các quốc gia kí Tuyên bố cần thực hiện. Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng đặc biệt chú ý đến việc giáo dục cộng đồng về BVMT. Điển hình là các hình thức:

- Đưa giáo dục ý thức BVMT vào chương trình học tập chính thức của các trường phổ thông, dạy nghề, cao đẳng và đại học;

- Sử dụng rộng rãi các phương tiện truyền thông để giáo dục cộng đồng;

- Tổ chức các hoạt động cụ thể như: Ngày môi trường thế giới, Tuần lễ xanh, Phong trào thành phố xanh – sạch – đẹp…

- Tổ chức các diễn đàn và các cuộc điều tra xã hội.

Giáo dục môi trường không phân biệt giáo dục cho đông đảo nhân dân, giáo dục trong các cơ sở giáo dục đại học hay trung học chuyên nghiệp đều nhằm mục tiêu đem lại cho các đối tượng được giáo dục có cơ hội:

- Hiểu biết bản chất của các vấn đề môi trường: tính phức tạp, quan hệ nhiều mặt, nhiều chiều, tính hạn chế của tài nguyên thiên nhiên và khả năng chịu tải của môi trường, mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và phát triển, giữa môi trường địa phương, vùng, quốc gia với môi trường khu vực và toàn cầu. Mục tiêu này thực chất là trang bị cho các đối tượng được giáo dục các Kiến thức về môi trường.

[4] *Từ điển tiếng Việt,* Nxb. Đà Nẵng 1997, tr.618

- Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các vấn đề môi trường như một nguồn lực để sinh sống, lao động và phát triển, đối với bản thân họ cũng như đối với cộng đồng, quốc gia của họ và quốc tế, từ đó có thái độ, cách ứng xử đúng đắn trước các vấn đề môi trường, xây dựng cho mình quan niệm đúng đắn về ý thức trách nhiệm, về giá trị nhân cách để dần hình thành các kỹ năng thu thập số liệu và phát triển sự đánh giá thẩm mỹ. Mục tiêu này có định hướng xây dựng thái độ, cách đối xử thân thiện với môi trường.

- Có tri thức, kỹ năng, phương pháp hành động để nâng cao năng lực trong việc lựa chọn phong cách sống thích hợp với việc sử dụng một cách hợp lý và khôn ngoan các nguồn tài nguyên thiên nhiên, để họ có thể tham gia hiệu quả vào việc phòng ngừa và giải quyết các vấn đề môi trường cụ thể nơi họ ở và làm việc. Đây là mục tiêu về khả năng.

Giáo dục môi trường hoàn toàn không tách rời những giá trị về kiến thức, kinh nghiệm thực tế và cách thức thực hiện của từng địa phương hay khu vực về một quá trình tạo lập và phát triển bền vững. Giáo dục môi trường luôn trân trọng những tri thức bản địa và ủng hộ việc giáo dục tương ứng với việc học tập dựa trên môi trường địa phương, coi trọng việc giáo dục toàn cầu cũng như giáo dục môi trường địa phương, thậm chí về mặt cam kết và hành động lại hướng về cụ thể và địa phương: "Nghĩ – toàn cầu, Hành động – Địa phương".

Những thông tin, kiến thức về môi trường được tích luỹ trong mỗi cá nhân sẽ nuôi dưỡng và nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm về BVMT của chính họ, tạo nên những động cơ mạnh mẽ, những cam kết vững chắc hướng về một môi trường trong lành và phát triển trong tương lai. Bởi vì, mỗi cá nhân nếu đều có ý thức đóng góp những hành động dù nhỏ nhưng tích cực cũng sẽ góp phần tạo nên những thay đổi lớn tốt đẹp hơn cho môi trường.

Mục đích cuối cùng của giáo dục môi trường là tiến tới xã hội hóa các vấn đề môi trường, nghĩa là tạo ra các công dân có nhận thức, có trách nhiệm với môi trường, biết sống vì môi trường.

Một khi các vấn đề môi trường đã được xã hội hóa thì những lợi ích kinh tế cho cộng đồng ngày một gia tăng và đặc biệt hiệu lực quản lý nhà nước tăng nhưng gánh nặng chi phí sẽ giảm. Do đó, những kết quả nghiên cứu về môi trường và các phương pháp khắc phục ở nhiều quốc gia trên thế giới đã đi đến kết luận chung là: không có giải pháp nào kinh tế và hiệu quả bằng việc đầu tư vào con người thông qua công tác giáo dục môi trường.

Giáo dục BVMT ở bậc đại học và sau đại học có thể được thực hiện theo ba phương thức:

- Tiến hành như một môn học mới, hoặc một chuyên đề mới được đưa vào chương trình: Phương thức này tương đối rõ ràng, đơn giản, nhưng gặp khó khăn do chương trình đào tạo đang có không còn thời lượng cho môn học mới.

- Lồng ghép với các môn học khác: Phương thức này sẽ thuận lợi cho tính chất liên ngành, không đòi hỏi việc sắp xếp lại khung chương trình. Tuy nhiên lại gặp khó khăn lớn là phải đào tạo giáo viên mới và huấn luyện bồi dưỡng giáo viên đương chức về mục tiêu, nội dung và phương pháp lồng ghép.

- Giáo dục môi trường qua các hoạt động ngoại khóa: Phương thức này được vận dụng để giải quyết khó khăn về quỹ thời gian học tập của học sinh. Giáo dục ngoại khóa có ưu điểm là sinh động, dễ gắn liền với thực tế, vừa cung cấp được kiến thức, kỹ năng, vừa có tác dụng rèn luyện nhận thức, thái độ. Tuy nhiên có khó khăn là không liên tục, không hệ thống và bị động với nhiều nhân tố bên ngoài.

2.2. Thực trạng giảng dạy các học phần về bảo vệ môi trường tại Trường Đại học Thái Bình hiện nay

Một nhận định đúng đắn rằng chỉ khi kiến thức về BVMT được nâng cao thì mỗi con người, tùy theo năng lực, vị trí của mình sẽ đóng góp được nhiều hơn để BVMT quốc gia. Hiện nay, vấn đề giảng dạy và giáo dục kiến thức, kỹ năng về BVMT đã và đang được chú trọng tại các trường đại học trong nước. Trong hệ thống giáo dục đại học, đã hình thành mạng lưới các trường, các khoa đào tạo cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ về môi trường và môn học tổng quan về môi trường đang trở thành bắt buộc ở một số trường đại học và các khoa không chuyên về môi trường. Kiến thức truyền đạt là kiến thức chuyên sâu, tìm hiểu kỹ cả về nguyên nhân, cơ chế gây nên các vấn đề môi trường, tìm ra các công cụ, các giải pháp khoa học để xử lý các vấn đề môi trường, làm giảm tác động có hại do chúng gây ra. Các công cụ luật pháp - thể chế, công cụ kinh tế, công cụ khoa học công nghệ được cập nhật thường xuyên, được truyền đạt để sinh viên nắm vững về lý thuyết và được thực hành khi tham gia xử lý các vấn đề cụ thể.

Trường Đại học Thái Bình (sau đây gọi tắt là ĐHTB hay Trường) hiện nay là trường đại học trọng điểm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Thái Bình, là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, đồng thời, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật. Trường đào tạo đa ngành nghề, đa lĩnh vực, với sứ mạng *"đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng phát huy năng lực sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp và có trách nhiệm với xã hội; Nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ; Cung cấp dịch vụ giáo dục, kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của Thái Bình và của cả nước; tạo cơ hội và môi*

trường học tập thuận lợi cho mọi đối tượng"[5]. Trong suốt quá trình đào tạo của mình, Trường ĐHTB luôn chú trọng thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, các cơ quan tổ chức có liên quan về giáo dục BVMT ở các ngành học, kết hợp giữa lý thuyết và thực tế để người học nhận thức được trách nhiệm cũng như vai trò của mình trong các vấn đề về BVMT. Trường đã đưa chương trình giảng dạy về môi trường và BVMT trở thành một học phần hoặc chuyên đề dành cho sinh viên các hệ đào tạo. Điển hình là học phần "Kinh tế và quản lý môi trường" thuộc Khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế và ngành Quản trị kinh doanh; học phần "Luật Bảo vệ môi trường" thuộc Khối kiến thức định hướng chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật. Các học phần này bên cạnh mục tiêu cung cấp kiến thức chuyên ngành tương ứng với ngành học, còn hướng tới giáo dục ý thức môi trường cho sinh viên. Thông qua nội dung học phần, người học sẽ hiểu được mối tương quan giữa con người với thiên nhiên, hiểu rằng BVMT là nền móng sự phát triển bền vững của một quốc gia. Bên cạnh đó, việc giáo dục pháp luật về môi trường nhằm giúp người học trang bị kiến thức và tâm lý luôn luôn BVMT trong mọi hoạt động cá nhân, tổ chức trong xã hội để ngăn chặn các hành vi gây ô nhiễm, suy thoái hay sự cố môi trường. Trong nội dung đề cương chi tiết học phần nêu rõ mục tiêu của học phần là giúp người học nâng cao ý thức về BVMT và thực hiện BVMT lồng ghép trong các hoạt động chuyên môn; sử dụng năng lực để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn về xử lý vi phạm và BVMT. Giảng viên trong quá trình giảng dạy học phần trên lớp thường xuyên kết hợp giảng dạy lý thuyết và đưa ra bài tập tình huống để người học thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến BVMT. Bên cạnh đó, Trường cũng tiếp tục phát huy hiệu quả giảng dạy những học phần này bằng cách kết hợp tổ chức các chương trình ngoại khóa vì môi trường để sinh viên được trải nghiệm và tham gia, nhằm nâng cao ý thức trong vấn đề BVMT trong phạm vi địa bàn tỉnh nhà. Các chương trình như hoạt động tình nguyện "Chủ nhật xanh", phong trào thi đua "Toàn dân BVMT, xây dựng khu dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp", chiến dịch "Thanh niên tình nguyện hè" như: Tuyên truyền, vận động Đoàn viên thành niên và nhân dân xây dựng thói quen 4T (Từ chối - Tiết giảm - Tái sử dụng - Tái chế) và thói quen phân loại rác tại nguồn; triển khai chương trình "Vì một Việt Nam xanh", "Chống rác thải nhựa", "Hãy làm sạch biển", "Hành trình thứ hai của lốp xe, chai nhựa", mô hình "Điểm bán xanh thanh niên chung tay bảo vệ môi trường", mô hình "Thu gom chất thải rắn - Đổi đồ dùng học tập", mô hình "Điểm đổi rác thải nhựa lấy quà tặng". Tất cả các hoạt động đều có sự tham gia của Đoàn viên sinh viên Trường Đại học Thái Bình, phần nào thể hiện kết quả của việc phát huy ý thức trách nhiệm BVMT trong mục tiêu giảng dạy của các học phần BVMT trong nhà trường.

[5] Quyết định số 800/QĐ-ĐHTB ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc công bố *"Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục"* Trường Đại học Thái Bình

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc giảng dạy các học phần về BVMT tại Trường Đại học Thái Bình còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất là, chưa có chương trình giảng dạy về giáo dục môi trường như một môn học chính cho tất cả sinh viên các ngành học. Hiện nay, các học phần giảng dạy về BVMT đều có mô hình là lồng ghép trong các học phần về chuyên ngành. Đây là phương pháp phù hợp với tính chất liên ngành, không cần thay đổi cấu trúc chương trình; tuy nhiên hiệu quả chưa sâu sắc. Chưa có được một chương trình chung, thống nhất về giáo dục bảo về môi trường cho tất cả sinh viên trong các ngành học, mà mới chỉ thực hiện ở các học phần nhất định và các ngành học nhất định.

Thứ hai là, nội dung học phần mới chỉ dừng ở giai đoạn nhận thức, còn hạn chế khi đi vào giải quyết những vấn đề cụ thể phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cũng như tình hình thực tiễn của địa phương. Mục tiêu học phần cũng mới chỉ hướng tới mục tiêu bao quát là rèn luyện ý thức BVMT cho người học chứ chưa đi vào các mục tiêu cụ thể do tính chất học phần là lồng ghép chứ không chuyên biệt.

Thứ ba là, thiếu giáo trình, tài liệu, công cụ học tập phục vụ giáo dục chuyên sâu về BVMT. Việc học tập của sinh viên chủ yếu dựa trên bài giảng của giảng viên và giáo trình, tài liệu chuyên ngành, chưa được tiếp xúc nhiều với các tài liệu phổ biến kiến thức về môi trường nói chung và BVMT nói riêng. Trong quá trình giảng dạy các học phần, mặc dù giảng viên có truyền đạt cách thức tìm hiểu tuy nhiên với kỹ năng tìm kiếm, sử dụng các công cụ thông tin để học tập, tài liệu chưa sinh động nên sinh viên chưa thực sự tích cực tìm hiểu.

Thứ tư là, các hoạt động ngoại khóa gắn với chương trình giảng dạy và chuyên đề về BVMT trong phạm vi quy mô nhà trường chưa nhiều. Các hoạt động thực tiễn, thực hành liên quan đến môn học chưa được giảng viên và nhà trường chú trọng tổ chức do tính chất học phần là lồng ghép với kiến thức chuyên ngành nên thời lượng phân bổ là không đủ. Bên cạnh đó, chưa có nhiều các chuyên đề, hội thảo, tọa đàm về BVMT gắn liền với học phần, không được chuyển đổi thành điểm đánh giá, điểm chuyên cần nên tỉ lệ sinh viên tham gia còn ít, không mang tính bắt buộc, chưa khơi dậy được niềm hứng thú, tự giác học tập của sinh viên.

Thứ năm là, đội ngũ giảng viên, cán bộ có kiến thức chuyên môn cao về môi trường và BVMT còn hạn chế do chủ yếu là giảng dạy lồng ghép, nên không tìm hiểu sâu. Chưa có đội ngũ cán bộ chuyên trách nghiên cứu, làm công tác môi trường và công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức môi trường.

2.3. Một số định hướng nâng cao hiệu quả giảng dạy các học phần về bảo vệ môi trường góp phần thực hiện khuyến học xanh tại Trường Đại học Thái Bình hiện nay

Dựa vào những kết quả đạt được cũng như những khó khăn, hạn chế trong quá trình giảng dạy các học phần về BVMT tại Trường Đại học Thái Bình hiện nay, tác giả xin đưa ra một số định hướng nhằm phát huy và nâng cao hiệu quả trong việc giảng dạy các học phần về BVMT, cụ thể như sau:

Thứ nhất là, tiếp tục mở rộng phạm vi giảng dạy các học phần về môi trường hiện có tại Trường Đại học Thái Bình. Hiện nay, học phần Luật bảo vệ môi trường có thể nói tiệm cận nhất với mục tiêu giáo dục BVMT bằng cách giáo dục công dân những kiến thức về pháp luật, tuy nhiên học phần này chỉ được giảng dạy riêng với sinh viên ngành Luật. Để có thể phổ biến ý thức pháp luật về môi trường nói riêng cũng như ý thức về BVMT nói chung, cần mở rộng đối tượng tiếp cận học phần này trong quy mô Trường đến với tất cả sinh viên của các ngành học khác.

Thứ hai là, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo của tất cả các ngành học theo định hướng bổ sung học phần giảng dạy riêng về BVMT và hướng tới trở thành học phần có tính chất bắt buộc; đồng thời nghiên cứu tiếp tục lồng ghép nội dung giáo dục môi trường vào các môn học khác. Để đạt được mục tiêu lớn này, sinh viên phải được trang bị các kỹ năng nhận diện, giải thích và truyền đạt các vấn nạn môi trường, sau đó đề xuất các giải pháp xử lý. Nói chung, phương pháp và nội dung giảng dạy phải nhằm trang bị cho người học: cung cấp những kiến thức có liên quan đến các hiện tượng hay các vấn đề ô nhiễm mội trường; rèn luyện năng lực xây dựng và thực hiện của các hoạt động BVMT; đề xuất được các giải pháp BVMT, bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng. Tuy nhiên, để có thể bổ sung một học phần chuyên biệt về giáo dục BVMT vào chương trình đào tạo đòi hỏi nhiều điều kiện và phải dựa trên tổng thể chương trình có thể đáp ứng được việc bổ sung học phần mới hay không. Trong quá trình rà soát, chỉnh sửa đó, các ngành học có thể nghiên cứu lồng ghép nội dung về BVMT vào các học phần khác nhau trong chương trình đào tạo, Ví dụ, đối với các học phần về kinh tế, giảng dạy cho người học về sự phát triển bền vững mà mối liên quan giữa môi trường và nền kinh tế nước nhà; đối với các học phần về công nghệ kỹ thuật, giảng dạy cho người học về việc ô nhiễm môi trường do các chất thải công nghiệp, máy móc công nghiệp gây nên, đồng thời các biện pháp để xử lý vấn đề đó.

Thứ ba là, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, tổ chức các hội thảo, tọa đàm dành cho người học với chủ đề giáo dục BVMT; đồng thời ứng dụng các biện pháp BVMT như thế nào sao cho hiệu quả tại địa phương mình. Một chương trình giáo dục môi trường chỉ có hiệu quả khi chương trình đó được nhân rộng, tình hình môi trường trong trường (và ở địa phương) tốt hơn, ứng xử của sinh viên thân thiện với môi trường hơn. Để đạt được mục tiêu lớn này, sinh viên phải được trang bị các kỹ năng nhận diện, giải thích và truyền đạt các vấn nạn môi trường, sau đó đề xuất các giải pháp xử lý. Nội dung của các hoạt động ngoại khóa phải nhằm trang bị cho người học: nhận diện được các vấn nạn môi trường ở địa phương mình, và nhận ra hành vi của cá nhân ảnh hưởng

(tốt hay xấu) đến môi trường. Như vậy, ngoài kiến thức lý thuyết, người học phải được tham gia vào các hoạt động ngoài trời, có cơ hội nhận diện trực tiếp những vấn đề liên quan đến môi trường, tức liên quan đến cuộc sống hằng ngày. Sinh viên tham gia vào chương trình nên được tính điểm vào học phần, hoặc số tín chỉ tương đương phù hợp với yêu cầu đào tạo.

Thứ tư là, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng giảng dạy của giảng viên trong lĩnh vực môi trường, đồng thời phát triển các công cụ phục vụ giảng dạy về môi trường. Chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, phát triển đội ngũ giảng viên về các nội dung liên quan đến BVMT, kỹ năng lồng ghép nội dung BVMT vào học phần đang giảng dạy; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến ý thức BVMT tới tất cả sinh viên. Đồng thời, tăng cường đầu tư các nguồn lực (nhân lực, tài lực) cho giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức môi trường. Nhà trường có thể xây dựng các mô hình khuôn viên "xanh – sạch – đẹp" ngay trong phạm vi trường học, lớp học để sinh viên nhận thức được trách nhiệm trong việc gìn giữ cảnh quan và môi trường học tập.

3. Kết luận

Nhà nước Việt Nam đã nhận định, không có giải pháp nào kinh tế và hiệu quả bằng việc đầu tư vào con người thông qua công tác giáo dục môi trường. BVMT nên bắt đầu bằng việc giáo dục ý thức BVMT, nhất là cho học sinh, sinh viên. Công dân Việt Nam được giáo dục toàn diện về môi trường nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức BVMT; giáo dục về môi trường là một nội dung của chương trình chính khoá của các cấp học phổ thông; nhà nước ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực BVMT, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nguồn nhân lực BVMT. Đặc biệt, trong môi trường giáo dục đại học, việc giảng dạy các kiến thức về BVMT lại càng cần phải nâng cao hơn nữa để có thể đạt được mục tiêu lớn lao của xã hội. Điều này nhằm nhắc nhở mọi người cần nâng cao kiến thức môi trường, nâng cao trách nhiệm trong việc giáo dục ý thức bảo vệ thiên nhiên thông qua giáo dục.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2023, 2024;

2. Chương trình đào tạo các ngành bậc đại học năm 2023, trường Đại học Thái Bình;

3. Quyết định số 800/QĐ-ĐHTB ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc công bố "*Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục"* Trường Đại học Thái Bình

4. *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng 1997, tr.618

5. *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr.162.

GIÁO DỤC PHÊ BÌNH SINH THÁI – GIÁO DỤC XANH VÌ MỘT TƯƠNG LAI XANH

TS. Vũ Thị Thanh
Trường Đại học Thái Bình

Tóm tắt

Cách mạng công nghiệp 4.0 với những tiến bộ vượt bậc của khoa học, kĩ thuật, đặc biệt là sự ra đời của nền tảng số, công nghệ số, truyền thông số đã đặt ra nhiều thời cơ và thách thức cho tất cả các lĩnh vực của đời sống trong đó có vấn đề về môi trường sinh thái về những tác động qua lại giữa con người và thế giới tự nhiên. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên hay trách nhiệm của con người đối với tự nhiên trở thành vấn đề mang tính thời sự và toàn cầu trong giai đoạn hiện nay.

Để bảo vệ môi trường sống của con người trước những thách thức của biến đổi khí hậu, của ô nhiễm môi trường mỗi cá nhân cần được trang bị những kiến thức cần thiết, đầy đủ và đúng đắn, đặc biệt là đối với các bạn học sinh, sinh viên – những chủ nhân tương lai của đất nước. Để là được điều này, vai trò của ngành giáo dục nói chung và của mỗi nhà trường nói riêng là vô cùng quan trọng. Giáo dục về sinh thái cho học sinh, sinh viên chính là giáo dục xanh cho hôm nay vì tương lai xanh ngày mai.

Từ khóa: *Môi trường, phê bình sinh thái, giáo dục xanh, tương lai xanh*

1. Đặt vấn đề

Trong bức tranh toàn cảnh của thế kỷ XXI, bên cạnh các vấn đề đương đại như bình đẳng giới, người thiểu số, nữ quyền, công nghệ số, bản sắc văn hóa … thì vấn đề sinh thái là một vấn đề nóng nổi lên hàng đầu.

Trước thực trạng biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hiệu ứng nhà kính đang ngày một trở nên trầm trọng, loài người đang rất cần một tiếng chuông cảnh tỉnh để nhìn lại chính mình, lắng nghe Trái Đất, và thay đổi để hướng tới tương lai tốt đẹp hơn. Do đó, sinh thái đã trở thành một chủ điểm văn học, bởi văn học nghệ thuật có chức năng phản ánh và phản tỉnh sâu sắc.

Cùng với sự xuất hiện của dòng văn học sinh thái vào thập niên 1970 của thế kỷ trước, là sự ra đời tương ứng một khuynh hướng phê bình mới – phê bình sinh thái. Ở Việt Nam những năm trở lại đây đã bắt đầu tiếp nhận và hình thành trào lưu phê bình sinh thái (nghiên cứu về văn học và môi trường từ quan điểm liên ngành). Từ nền tảng của phê bình sinh thái cùng với những thành tựu mà nó đạt được, phê bình sinh thái đã được đưa vào trong trường học thông qua những tác phẩm cụ thể. Nhờ vậy, vấn đề về môi trường tự nhiên, mối quan hệ của con người với tự nhiên được truyền tải và tiếp nhận một cách rộng rãi. Từ phê bình sinh thái trong trường học đến giáo dục xanh và tương lai xanh là một cuộc hành trình được khởi đầu đầy tâm huyết và hứa hẹn đích đến thực sự thành công.

2. Nội dung

2.1. Phê bình sinh thái và vấn đề bảo vệ môi trường

Phê bình sinh thái (tiếng Anh: ecocriticism) là ngành nghiên cứu về văn học và môi trường từ quan điểm liên ngành, ở đó các học giả văn học phân tích các văn bản minh họa cho các mối quan tâm về môi trường và khảo sát các cách thức khác nhau qua đó văn học giải quyết chủ đề tự nhiên. Một số nhà phê bình sinh thái tập trung hướng đến những cách giải quyết khả hữu dành cho sự sửa chữa các thực trạng môi trường hiện nay, mặc dù không một nhà phê bình sinh thái nào đồng thuận về mục đích, phương pháp luận và phạm vi của phê bình sinh thái. Phê bình sinh thái là một thể diễn ngôn mỗi người nói một kiểu. Phần lớn mọi người thừa nhận định nghĩa của Cheryll Glotfelty: "Phê bình sinh thái là phê bình bàn luận về quan hệ giữa văn học và môi trường tự nhiên". Các nhà phê bình sinh thái chú ý đến sự phá hoại sinh thái do hiện đại hóa tạo thành và sự xấu đi của sinh thái toàn cầu do hiệu ứng nhà kính tạo nên, múc độ nghiêm trọng của tình trạng này đã uy hiếp môi trường sinh thồn và phát triển tương lai của nhân loại. Thế là nhấn mạnh một phương diện từ góc độ văn hóa sinh thái, văn học sinh thái để nghiên cứu văn học, mặt khác từ góc độ kinh nghiệm thẩm mĩ văn học giải thích sâu sắc thêm khắc chế sự xấu đi của sinh thái đạt đến sự cân bằng sinh thái đảm bảo sự phát triển của nhân loại, đã trở thành sứ mệnh lịch sử mà các nhà tư tưởng văn học và sáng tác văn học phải đảm nhiệm trong thời đại toàn cầu hóa. Năm 1996, tập bài viết về phê bình sinh thái lần đầu tiên được xuất bản tại Mĩ mang tên "Văn bản phê bình sinh thái" do Cheryll Glotfelty và Harold Fromm chủ biên, tôn chỉ của nó là là "lần lượt thảo luận lí luận sinh thái học và văn học sinh thái, phê bình sinh thái văn học và phê bình văn học sinh thái", làm cho phê bình sinh thái càng có đặc trưng và phạm thức của phê bình văn học. Trong lời giới thiệu, Cheryll Glotfelty định nghĩa thêm về phê bình sinh thái: "Phê bình sinh thái nghiên cứu quan hệ giữa văn học và môi trường vật lí. Giống như phê bình chủ nghĩa nữ quyền từ góc độ ý thức giới tính khảo sát ngôn ngữ và văn học, phê bình chủ nghĩa Mac đem phương thức sản xuất và giai cấp kinh tế vào đọc văn bản, phê bình sinh thái vận dụng phương pháp lấy địa cầu làm trung tâm nghiên cứu văn học". Mùa hè năm 1999, "Tân văn học sử" là chuyên san về phê bình sinh thái, tổng cộng đăng 10 bài chuyên về phê bình sinh thái, năm 2000 những chuyên luận về phê bình sinh thái chủ yếu có tuyển tập "Lĩnh vực rộng lớn của nghiên cứu văn học theo khuynh hướng tự nhiên" do giáo sư Murphy chủ biên, "Tuyển tập mới về phê bình sinh thái" do Tallmadge chủ biên, "Bài ca của trái đất" của Bethe. Năm 2001, Lawrence Buell xuất bản cuốn "Viết vì thế giới đang lâm nguy: văn học, văn hóa, môi trường nước Mĩ và các quốc gia khác.", Maizel chủ biên cuốn "Thế kỉ của phê bình sinh thái". Đầu năm 2002, Nxb Đại học Virginia long trọng giới thiệu bộ sách phê bình sinh thái: "Bộ sách tìm tòi phê bình sinh thái". Lofgren người Mĩ cuối năm 2003 đã xuất bản cuốn "Phê bình sinh thái thực dụng", Garrard người Anh tháng 8 năm 2004 cho xuất bản cuốn "Phê bình sinh thái". Nhìn chung có thể nói, "phê bình sinh thái" là phương thức lí luận phê bình văn nghệ thâm nhập vào vấn đề sinh thái từ tóc độ phê bình văn học. Một mặt muốn giải

quyết vấn đề quan hệ tầng sâu giữa văn học và môi trường tự nhiên, mặt khác muốn chú ý đến quan hệ bên trong giữa văn học nghệ thuật và sinh thái xã hội , sinh thái văn hóa, sinh thái tinh thần. Phê bình sinh thái quan tâm đến vấn đề văn bản làm thế nào cự tuyệt, triển thị, hoặc kích phát thiên tính yêu sinh mệnh mãnh liệt của nhân loại: "khuynh hướng nhân loại nội tại tập trung trong tiến trình sinh mệnh hoặc trong tiến trình sinh mệnh tương tự, kích phát tưởng tượng và tình cảm về quan hệ giữa chúng ta và thế giới tự nhiên phi nhân loại. Sau khi tôn giáo tín ngưỡng mang lại cảm giác an toàn, những âu lo mang tính hiện đại, những vỡ vụn và hỗn loạn của thời hậu hiện đại, các nhà văn bắt đầu tìm kiếm con đường mới để nhân loại quay về với thế giới, tìm kiếm con đường mới của luân lí thận trọng mà cùng có lợi của sự phát triển giữa chúng ta và tự nhiên. Vì thế, một động lực quan trọng của phê bình sinh thái chính là định vị, mở rộng và thảo luận sự theo đuổi biểu hiện trong hình thức văn học". Phê bình sinh thái vận dụng quan điểm sinh thái học hiện đại khảo sát quan hệ giữa văn học nghệ thuật và tự nhiên, xã hội và trạng thái tinh thần con người, đồng thời vận dụng biện pháp tự sự như tưởng tượng văn học thấu thị văn hóa sinh thái, tìm tòi trạng thái sinh tồn thi hóa của con người trong thế giới, xem xét quan hệ giữa ba yếu tố: con người, tự nhiên, nghệ thuật và phê bình – phản tư về quan hệ chinh phục và báo thù giữa con người và tự nhiên, xác định nguyên tắc nhân văn đối với phê bình nghệ thuật sinh thái, suy diễn đối với vấn đề trung tâm chủ thể hiện đại và cấu tạo mới của giá trị đa nguyên.

Một số đặc trưng cơ bản của phê bình sinh thái

Thứ nhất: phê bình sinh thái lấy vấn đề sinh thái tự nhiên và sinh thái tinh thần trong nghiên cứu văn học làm chủ, muốn trong tác phẩm thể hiện động hướng phức tạp của con người và thế giới tự nhiên, quan hệ tương tác giữa văn học và môi trường tự nhiên. Phê bình sinh thái trong phê bình văn học tần suất sử dụng tăng lên và phạm vi sử dụng không ngừng mở rộng, do đó phê bình sinh thái đã trở thành thuật ngữ quan trọng của lí luận văn học đi vào từ điển thuật ngữ văn luận phương tây.

Thứ 2: phê bình văn học cũng có thể từ góc độ văn hóa sinh thái đọc lại kinh điển văn học truyền thống, từ đó tìm ra ý nghĩa văn hóa sinh thái và ý nghĩa mĩ học sinh thái từng bị che lấp, và xây dựng lại mối quan hệ thẩm mĩ thi ý giữa con người và tự ngã, con người và người khác, con người và xã hội, con người và tự nhiên, con người và trái đất.

Thứ 3: phê bình sinh thái đối với vấn đề tính chủ thể của con người trong sáng tác nghệ thuật bảo giữ lập trường "chính trị chính xác" – vừa không thể có lập trường chủ nghĩa nhân loại trung tâm, vừa không thể là lập trường chủ nghĩa tự nhiên tuyệt đối, mà là chú trọng quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên, chủ trương nhân loại chuyển biến từ "ý thức tự ngã" sang "ý thức sinh thái". Con người và trái đất có quan hệ hòa hợp sinh mệnh cùng tồn vong, nhân loại không thể là chú tể của muôn loài nữa, mà là một thành viên trong muôn loài trên trái đất, cùng sinh tử với các thành viên khác trong thế giới tự nhiên.

Thứ 4: phê bình sinh thái liên kết nghiên cứu văn học và khoa học sinh mệnh, từ hai lĩnh vực nghiên cứu văn học và tự nhiên, chú trọng từ góc độ phát triển xã hội loài người và biến đổi môi trường sinh thái thâm nhập vào tầng diện văn học, từ đó làm cho phê bình sinh thái có đặc tính liên ngành văn học. Phê bình sinh thái là phản tư văn học sau khi nhân loại đối diện với tai họa sinh thái, là các nhà văn học nghệ thuật sự định vị lại vị trí của con người trên trái đất, là sự tính toán lại những cực đoan mang tính hiện đại phương tây của các nhà tư tưởng.

Thứ 5: phê bình sinh thái khi tiến hành quan chiếu đối với hiện tượng văn hóa sinh thái, đã kế thừa hình thái ý thức cách mạng xanh, nhấn mạnh không thể xa rời tinh thần văn học và diễn ngôn văn học, cần phải cố hết sức có thể tại tầng diện hình thức văn bản văn học và thủ pháp nghệ thuật triển khai tự sự diễn ngôn, thông qua thủ pháp cái đẹp hình thức của sáng tác mang "tính văn học" để thể hiện ra tinh thần văn hóa sinh thái.

Thứ 6: Nội dung của phê bình sinh thái yêu cầu trong tầm nhìn song trùng của bản chất sinh mệnh và địa cầu, khảo sát trạng thái tồn tại quá khứ và tương lai của con người. Góc nhìn này liên kết nghiên cứu văn học đã rơi vào chủ nghĩa hình thức và vấn đề sinh tồn với đầy những nguy cơ của trái đất. Văn học từ đó có thể từ bỏ trò chơi văn tự của chủ nghĩa hình thức, xốc lại tinh thần từ trong đủ các loại diễn ngôn phê bình hóa giải ngôn ngữ.

Như vậy, phê bình sinh thái coi quan hệ giữa văn học và môi trường tự nhiên là lĩnh vực nghiên cứu của mình, một mặt nó buộc phải nghiên cứu "tính văn học", mặc khác lại phải tiếp cận vấn đề "tính sinh thái". Sự chỉnh hợp giữa "tính văn học" và "tính sinh thái" khác với phê bình văn học hoặc lí luận văn học khác. Phê bình sinh thái tràn dầy hi vọng đối với tương lai nhân loliaj, và không ngừng hô hào thái độ sinh tồn lạc quan thi ý, loại bỏ "sự tuyệt vọng về tương lai", từ đó làm rõ đặc điểm tinh thần lạc quan chủ nghĩa của phê bình sinh thái.

2.2. Phê bình sinh thái và giáo dục phê bình sinh thái trong trường học hiện nay

Trước những vấn đề mà nhân loại đang phải đối mặt hiện nay, sự xuất hiện của phê bình sinh thái mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó giống như một cuộc hành hương, đưa con người trở về với trái đất xanh tươi, nơi mà loài người đang "tưởng nhớ", đồng thời cảnh tỉnh họ trước sự xâm lấn thô bạo của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa. Phê bình sinh thái đang từng bước được giới thiệu, nghiên cứu tại Việt Nam và bước đầu đã có những thành tựu đáng lưu ý. Khi tự nhiên ngày càng bị xâm hại nghiêm trọng, trái đất dần nóng lên và khí hậu biến đổi, không khí ô nhiễm, nguồn nước cạn kiệt…, khi khủng hoảng môi trường được đặt ra như một trong những vấn đề bức thiết của nhân loại, các ngành khoa học đã hướng đến môi trường sinh thái như một sự bừng tỉnh. Từ những năm 1970, vấn đề môi trường sinh thái đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của

các nhà sử học, nhân loại học, tâm lý học, triết học, thần học… Đến những năm 1980, văn học mới thực sự "phản ứng" với vấn đề này, cùng với đó là hàng loạt các hoạt động văn học gắn kết với môi trường. Phê bình sinh thái lấy sinh thái làm trung tâm, đối lập với xu hướng lấy con người làm trung tâm, và như nhà phê bình sinh thái tiên phong ở Mỹ, Cheryll Glotfelty, định nghĩa là một khuynh hướng "nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và môi trường." Giống như thực hành phê bình đã xuất hiện từ thời Hy Lạp cổ điển, nhưng phải đến những năm đầu thế kỷ XIX phê bình văn học mới trở thành một chuyên ngành học thuật, thì tương tự đến cuối thế kỷ XX, nghiên cứu về văn học và môi trường mới chính thức được công nhận như là một chuyên ngành mới nổi lên.

Việc đưa phê bình sinh thái vào trường học bước đầu được thực hiện ở Việt Nam từ những năm 2010 trở lại đây. Bản thân Việt Nam là một quốc gia hứng chịu những ảnh hưởng nghiêm trọng đến từ biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Thời tiết ở Việt Nam những năm gần đây ngày càng bất thường, những hiện tượng tự nhiên như hạn hán, ngập lụt, sạt lở, giông tố, bão lũ, nước biển dâng có diễn biến phức tạp. Văn hóa Việt Nam, với những ảnh hưởng đến từ Phật giáo và Đạo giáo, rất gần gũi, tương hợp và gắn bó với tự nhiên. Điều này được phản chiếu qua văn học trung đại, với nội dung khắc họa vẻ đẹp cổ điển và xây dựng hình tượng thiên nhiên. Thế nhưng, không dễ để khu biệt văn học sinh thái ở Việt Nam, vốn phần lớn là các tác phẩm viết về tự nhiên, tập trung tôn vinh vẻ đẹp của tự nhiên và miêu tả con người gắn bó với thế giới tự nhiên.

Thông điệp của văn học sinh thái có ý nghĩa giáo dục bằng con đường phản biện. Nó cất lên tiếng nói đánh động ý thức, thay đổi quan niệm về sinh thái để cân bằng và bảo vệ sinh thái cấp bách.Cũng như văn xuôi sinh thái, thơ ca sinh thái đã xuất hiện tại Việt Nam gần ba thập niên trở lại đây, đạt được những thành tựu cơ bản về nội dung tư tưởng song về thi tứ và bút pháp thì vẫn còn vận động theo quỹ đạo của thơ ca nói chung, chưa thật rõ rệt hoặc nổi bật sắc thái; do đó, khả năng lôi cuốn độc giả còn hạn chế. Văn chương sinh thái đang thực hiện chức năng xã hội rất lớn, nó cùng đấu tranh bảo vệ môi trường cũng.

Dấu ấn văn chương sinh thái ở một số tác phẩm tiêu biểu như *Chó Bi, đời lưu lạc* (Ma Văn Kháng), *Trăm năm còn lại* (Trần Duy Phiên), *Thập giá giữa rừng sâu* (Nguyễn Khắc Phê), *Sông* (Nguyễn Ngọc Tư), *Gần như là sống* (Đỗ Phấn), *Dòng sông chết* (Thiên Sơn), *Thiên đường ảo vọng* (Nguyễn Trí), *Săn cá thần* (Đặng Thiều Quang), *Biển và chim bói cá* (Bùi Ngọc Tấn), *Chúa đất* (Đỗ Bích Thúy), *Con chim joong bay từ A đến Z* (Đỗ Tiến Thụy), *Linh điểu, Đắm bầy virus* (Nguyễn Văn Học),… Các tác phẩm đề cập đến những vấn đề mang tính chất thời sự, thậm chí mang tính sống còn nhân loại, liên quan đến nguy cơ đối với sinh thái. Tác phẩm văn học sinh thái lấy tự nhiên làm đối tượng trung tâm, quan tâm đến số phận của nó ảnh hưởng đến con người và con người ảnh hưởng đến tự nhiên, phơi bày thực trạng để lên tiếng cảnh báo và đánh động ý thức bảo vệ tự nhiên. Một tác phẩm có thể không có hình tượng tự nhiên nhưng có góc nhìn sinh thái, tư tưởng sinh thái thì vẫn xem là văn học sinh thái. Tư tưởng ấy là

trách nhiệm sinh thái, phân tích căn nguyên đạo đức phản sinh thái; nhìn nhận sinh thái là một giá trị ngang hàng với các giá trị con người… nói chung là lý tưởng sinh thái. Nhà phê bình sinh thái hàng đầu Cheryll Glotfelty nói: "Phê bình sinh thái là phê bình bàn về mối quan hệ giữa văn học và tự nhiên… Phê bình sinh thái mang đến phương pháp tiếp cận trái đất là trung tâm (earth-centered approach) để nghiên cứu văn học". Nguyên tắc của phê bình sinh thái là lấy chủ nghĩa chỉnh thể sinh thái làm tư tưởng chủ đạo và lập trường là đạo đức sinh thái, nhìn thế giới tự nhiên trong văn bản bằng ý thức sinh thái. Phê bình sinh thái thực chất là phê bình đạo đức sinh thái. Môi trường bị phá hoại là do hệ thống đạo đức của con người, trách nhiệm bảo vệ môi trường còn bị xem nhẹ, từ cá nhân, tổ chức đến chính phủ. Hệ thống luật pháp chưa đủ tính răn đe trước hành động khai thác tài nguyên vượt mức cho phép. Do đó văn học sinh thái cần bồi dưỡng, khơi dậy năng lực sinh thái nhân văn trong cộng đồng. Một số tác phẩm còn theo thi pháp cũ thì thiên nhiên trong thơ sinh thái là đối thể trữ tình, cái tôi chủ thể cảm nhận sinh thái bị phá vỡ với niềm cảm thông sâu xa, những đau đớn, lo âu khắc khoải để truyền đi thông điệp về tai họa môi trường: Xin đổi kiếp này – Nguyễn Bích Ngân, Chiều trên dòng Vu Gia – Nguyên Cẩn, Tiếng tù-và Ma Kông – Đặng Bá Tiến... Và tự nhiên vẫn được thể hiện là một sinh thể riêng có linh hồn riêng cần tôn trọng.

Từ đề tài cho thấy chủ đề sinh thái là thái độ quan tâm, tôn trọng môi trường – trái đất, là phải nhận thức con người với trái đất song hành quyền lợi và tồn tại: Ta nương tựa vào nhau/ Nay đã có vẻ đã không cần nhau nữa! / Đất rùng mình phận đất…/ Người rùng mình phận người… (Đỗ Hồng Ngọc). Do đó khi mất cân bằng sinh thái thì môi trường rất nguy hiểm. Cảm hứng cơ bản của thơ sinh thái là cảm hứng phê phán. Phê phán thói cẩu thả, vô đạo, vô ơn của con người gây nên thảm họa sinh thái. Bao nhiêu cảm xúc giận dữ, ai oán, đau đớn, dằn vặt, buồn thương xa xót đã bật lên: Rừng xưa, giờ đã về đâu/ Hỏi ai đây giữa ngàn lau bạc đầu? / Ngàn lau xao xác u sầu: Rừng xưa đã hóa nỗi đau nhân tình… (Đặng Bá Tiến). Nhưng tất cả đều dồn vào chiếc túi phê phán: Người rùng mình hỏi vì sao động đất sóng thần cứ triền miên hết ngày này sang ngày khác/ Vì sao núi lửa cứ phun trào? (Đỗ Hồng Ngọc). Từ cảm hứng và chủ đề, thơ sinh thái nói riêng và văn chương sinh thái nói chung góp tiếng nói phản biện để lay gọi, thức tỉnh thái độ, thay đổi tư duy của con người về môi trường. Có thể nêu vài nét về thi pháp thơ sinh thái qua các bài thơ tiêu biểu. Không gian nghệ thuật sinh thái là không gian hẹp. Cho dù biển cả mênh mông nhưng cá vẫn chết hàng loạt vì ô nhiễm hóa chất và rác thải; rừng bị thu hẹp dần, núi lở lói nên bầy nai ngơ ngác vì bị đẩy ra khỏi môi trường của nó: Lời tha thiết vọng từ thăm thẳm núi/ Bầy hươu sao tán loạn chạy trên đồng (Nguyên Cẩn); nhiều không gian sinh thái tự nhiên chỉ còn trong nỗi nhớ xa xăm: … Còn đâu điệu múa xòe của những bầy công/ cánh rừng bên sông chỉ còn đất trống/ lau phơ phất một mầu tang trắng/ hồn cẩm, hương… cũng hết gốc nương nhờ/ Nơi đàn voi quần tụ dưới trăng mơ/ giơ những đống xương khô tàn lạnh/ mùa săn voi chỉ còn ảo ảnh/ trong hoài niệm hằng đêm lại vỗ cánh bay về (Đặng Bá Tiến). Không gian hẹp này cũng là không gian ô nhiễm, bức bách, phản ánh thế giới sinh thái trên đà rạn vỡ gần như

không thể cứu vãn. Từ đó ảnh chiếu về sự sa đọa đạo đức con người: Nhoài lên mỏm đá sắc/ Thân thể gió trầy xước/ Máu của gió là mưa/ Nắng nhỏ xuống/ Núi cuốn nụ hôn lên cao/ Cụm mây xám đúc thành khối/ (Mai Văn Phấn). Bầu khí quyển ô nhiễm đến mức gió đi ngang qua, cọ xát bị thương rồi thổ huyết. Núi đá trần trụi lạnh lùng chém bất cứ vật gì bay ngang qua và dần hóa thành núi lửa phun khói độc muôn đời không tan. Hình tượng vận động thật khốc liệt, đầy dự báo. Hệ quả của không gian tự nhiên ấy đẩy không gian con người cũng bó hẹp trong bốn bức tường bê tông, cả cộng đồng được dồn sống trong những tổ ong được gọi là những tòa chung cư chọc trời: khói bụi ngày đêm, ngột ngạt trưa hè (Nguyễn Bích Ngân). Cấu trúc sinh thái hài hòa với con người bị phá vỡ. Vì thương nhớ môi trường nên con người nghĩ ra cảnh giả, biển giả, ao giả, cây giả… nhưng làm sao thay thế. Con người đô thị thật tội nghiệp. Những tiện nghi vật chất có cứu sống muôn loài, những viên thuốc kháng sinh có thay thế mật ong rừng? Bên cạnh ấy còn có không gian tinh thần - không gian tâm hồn thi nhân. Được kết nối và cảm thông với sinh thái nên không gian tinh thần, nếu không ngột ngạt như lời con hổ trong vườn bách thú (Nhớ rừng, Thế Lữ) thì cũng trống rỗng: Bầy thây ma nhảy múa man dại quanh thần/ Người chỉ còn một mình trên đỉnh ngôi nhà hoang tàn (Nguyễn Văn Toan).

Việc đưa những tác phẩm mang hơi thở của phê bình sinh thái vào trong chương trình giảng dạy ở các cấp học có tác dụng tích cực trong việc thay đổi nhận thức cho học sinh, sinh viên về vấn đề môi trường hiện nay.

2.3. Giáo dục xanh hướng đến tương lai xanh cho hành tinh xanh

Có lẽ trong lịch sử nghiên cứu văn học chưa từng có một trào lưu nghiên cứu nào mang một sứ mệnh đặc thù như Phê bình sinh thái. Sứ mệnh của Phê bình sinh thái là nhìn nhận lại văn hóa nhân loại, tiến hành phê phán văn hóa, chỉ ra căn nguyên văn hóa tư tưởng dẫn đến nguy cơ sinh thái. Vấn đề sinh thái là vấn đề toàn cầu, đồng bộ ở các nước, không phân chia biên giới, thể chế chính trị, giai tầng xã hội. Mặc dù căn nguyên tư tưởng ở mỗi quốc gia có thể khác nhau, nhưng nguy cơ sinh thái hiện nay cũng như giải quyết nó là vấn đề chung đòi hỏi cộng đồng các quốc gia cùng góp sức. Nghiên cứu văn học thế giới đã trải qua nhiều lần chuyển trung tâm, như chuyển từ tác giả sang văn bản, người đọc, văn hóa và đến Phê bình sinh thái, mặc dù vẫn tiếp tục xu hướng ngoại hóa trong nghiên cứu văn học nhưng đã mang một sứ mệnh hoàn toàn mới. Mang một sứ mệnh cao cả này, một phần rất lớn là Phê bình sinh thái ra đời không phải từ khát vọng sáng lập lí thuyết mới của các nhà phê bình, cũng không phải xuất phát từ nội bộ nghiên cứu văn học, mà là từ sự thúc đẩy của nguy cơ sinh thái. Không ít người đã dự đoán rằng, hiện nay, nguy cơ lớn nhất mà loài người phải đối mặt là nguy cơ sinh thái, thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của trào lưu sinh thái, là thời đại của việc sáng lập văn minh sinh thái. Các nhà phê bình sinh thái ý thức được rằng, văn học nhân loại cần phải có trách nhiệm với nguy cơ này, bởi bản thân văn học cũng là một trong những nguyên nhân văn hóa sâu xa tạo nên nguy cơ đó. Greg Garrad cho rằng: “Vấn đề môi trường không chỉ cần phân tích từ góc độ khoa học, mà còn cần phân tích từ góc độ văn hóa”. Văn học

phản sinh thái tiếp tục phát triển cũng sẽ góp phần kéo theo sự tiếp diễn của nguy cơ sinh thái. Bởi vì "chúng ta làm gì đối với sinh thái phụ thuộc vào quan niệm của chúng ta về quan hệ giữa con người và tự nhiên". Nhà văn, nhà phê bình phải thông qua cải tạo văn học, cải tạo quan niệm văn học để hạn chế mắc lỗi với tự nhiên và thậm chí chuộc lỗi với tự nhiên. W.E.B.Du Bois từng dự đoán: Vấn đề chung rộng lớn của thế kỷ 20 là vấn đề chủng tộc. Đến đầu thế kỷ mới, dấu tích của vấn đề này vẫn không hề phai mờ. Nhưng, còn một vấn đề có lẽ là bức thiết hơn, đó là đối với tuyệt đại đa số cư dân trên địa cầu, nếu như không tiến hành cải cách mạnh mẽ phương thức sống hiện nay, thì trái đất liệu có còn sức sống nữa hay không?.

Như vậy, sứ mệnh của phê bình sinh thái là nghiên cứu tư tưởng, văn hóa, khoa học, phương thức sống và phương thức sản xuất, mô hình phát triển xã hội của con người đã ảnh hưởng như thế nào đến hiện tượng xấu đi của môi trường tự nhiên, đã dẫn đến nguy cơ sinh thái như thế nào. Từ đây có thể thấy, Phê bình sinh thái là một khuynh hướng nghiên cứu mang đậm tinh thần phê phán văn hóa. Phê bình sinh thái muốn hướng đến cải cách văn hóa tư tưởng, thúc đẩy cách mạng phương thức sống, phương thức sản xuất, mô hình phát triển, xây dựng văn minh sinh thái.

Để hình thành tư duy văn minh sinh thái, cần coi trọng vai trò của giáo dục đạo đức sinh thái cho tất cả mọi người, trước hết là thế hệ trẻ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật và các thông tin về môi trường và phát triển bền vững cần không ngừng đổi mới về nội dung và đa dạng về hình thức. Vấn đề môi trường và tư duy văn minh sinh thái cần được đưa vào hệ thống chương trình được giảng dạy ở các cấp học cũng như đưa vào cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; qua đó, góp phần giáo dục và xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, nếp sống gần gũi, gắn bó với thiên nhiên trong mỗi người dân, nhất là thanh thiếu niên. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường cần được hoàn thiện; năng lực tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về môi trường cần được kiện toàn và tăng cường, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường từ Trung ương đến cơ sở. Việc thực thi luật pháp về môi trường ở từng nước cũng như các điều ước và luật pháp quốc tế cần tiếp tục được thúc đẩy. Hệ thống và cơ chế giám sát tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu, hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm và thảm họa môi trường cần được xây dựng và không ngừng củng cố. Ngoài ra, cần đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Đây là những công cụ hết sức quan trọng để từng bước góp phần hình thành tư duy văn minh sinh thái, nhất là để kịp thời ngăn chặn thảm họa sinh thái, đặc biệt là tội ác "ecocide", góp phần cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân, bảo đảm thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững.

Thiên nhiên đã từng bị tàn phá, huỷ diệt bởi chiến tranh nhưng người mẹ thiên nhiên cũng kiên cường với sức sống rất kỳ diệu. Sức sống ấy được thể hiện ở khả năng hồi sinh từ trong cái chết. Những cánh rừng chết chóc ngày ấy giờ đây đã và đang tự chữa lành cho mình.

Người rừng là hành trình trở lại chiến trường tìm tung tích đồng đội của những người lính năm xưa. Trở lại đây, người lính Trường Sơn không khỏi ngạc nhiên trước sự tái sinh kỳ diệu của mảnh đất này: "Hai bên đường vào làng mới ngày nào hố bom, hố đạn đào xới chằng chịt, nham nhở, nay đồng bào khai hoang đã biến thành những bãi sắn, đồi cà phê, ruộng lúa nước, nhấp nhô xanh rờn"[17]. Keo Mun là nơi đã từng diễn ra những trận đánh bom quyết liệt của giặc Mĩ năm xưa, ngày hôm nay, khi trở lại, đã hoàn toàn "thay áo mới". Keo Mun với "Con đường vào bản, những cánh hoa phong lan nở trắng bên gốc cây rừng. Những căn nhà sàn tựa lưng vào sườn đồi, đổ bóng xuống dòng sông A-na. Những giọt nắng rụng qua kẽ lá đung đưa trên con đường đất đỏ"[18], "hai bên lối mòn, hoa rừng nở rộ, chim rừng hót ríu ran"[19], "Cây rừng mọc tầng tầng, lớp lớp"[20]… Dưới góc nhìn của Minh Chuyên, sự hồi sinh kỳ diệu, mạnh mẽ ấy đến từ một "vòng đời bất tận" của thiên nhiên: "Thời gian và mưa nắng, máu đã tan vào đất, nuôi cây rừng. Tổ quốc mình ở Trường Sơn xanh tươi là do một phần máu xương của đồng đội đấy".

Quả thật, sự sống bắt đầu hồi sinh từ cái chết. Những người lính Trường Sơn trong cuộc chiến đấu giành độc lập tự do cho dân tộc đã gửi lại thân xác họ nơi chiến trường. Qua thời gian, máu xương của họ đã giúp hồi sinh mảnh đất đầy chết chóc, đau thương này. Không có máu xương thấm đẫm núi rừng làm sao có được những mùa hoa nở trắng khắp núi rừng, làm sao có được những bãi sẵn, đồi cà phê, ruộng lúa nước nhấp nhô xanh rờn hôm nay.

Tôn trọng Trái đất tức tôn trọng con người, phá hủy Trái đất tức phá hủy căn nhà con người sống, tàn phá môi trường tức làm thui chột tính người. Đó là tinh thần nhân văn đáng quý của hướng nghiên cứu này… Nó kêu gọi con người phải hòa hợp, giữ gìn, tôn trọng tự nhiên, sống chung với tự nhiên.

Khổng Tử còn dạy học trò thuận theo tự nhiên thì phải tôn trọng nó, không được đốn cây lớn trong mùa xuân, không được bắt cá nhỏ. Trong truyền thống văn hóa Ấn Độ, trước khi làm nhiệm vụ trị vì quốc gia, các vị anh hùng đều phải có thời gian tu thân trên núi cao, trong rừng thẳm để hòa mình vào thiên nhiên, tu trí, tĩnh tâm.

Là một cộng đồng dân tộc nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm cây cối hoa lá quanh năm tươi tốt nên cảm quan của người Việt Nam là cảm quan của thiên nhiên cây cỏ. Từ hàng ngàn năm nay, người Việt chung sống hài hòa với thiên nhiên, thiên nhiên luôn là đối tượng thẩm mỹ để họ sáng tạo nghệ thuật, nhất là với thơ ca.

Hôm nay, soi lý thuyết phê bình sinh thái hiện đại vào thơ Nguyễn Trãi, thật ngạc nhiên và tự hào khi thấy trong thế giới thơ ông gần như là sự chứng minh cho các luận

điểm cơ bản của lý thuyết này. Có thể khẳng định, vĩ nhân ấy là con người của nhân loại, mang tầm văn hóa nhân loại, đi trước thời đại hơn 600 năm. Thiên nhiên tràn ngập trong thơ Nguyễn Trãi, hầu như bài nào cũng có sự xuất hiện của thiên nhiên, nhất là cái đẹp nơi thiên nhiên luôn gần gũi gắn bó với con người. Vì tôn trọng cái đẹp, yêu cái đẹp mà đau xót, tiếc nuối cho cái đẹp không có người thưởng thức. Xuân đi, hè đến, cả chủ thể và nhân vật trữ tình (cô gái) trong bài thơ này đều tiếc xuân: "*Vì ai cho cái đỗ quyên kêu/ Tay ngọc dùng dằng chỉ biếng thêu/ Lại có hòe hoa chen bóng lục/ Thức xuân một điểm não lòng nhau*" (Cảnh hè, Thơ Nôm). Một tứ thơ hay, một sự tinh tế chỉ có được khi tác giả lắng nghe bước đi của tạo vật: mùa hè lại có hoa hòe đem đến vẻ xuân gợi ở người sự "não lòng" tiếc xuân.

Đến thời hiện đại, nhà thơ lớn Hồ Chí Minh rất ưa cuộc sống gần nơi thiên nhiên tự do, tĩnh tại, thanh sạch: "Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu…". Khi phải gánh vác nhiệm vụ trọng đại lãnh đạo cuộc kháng chiến Bác Hồ vẫn cố dành thời gian hạnh phúc cùng thiên nhiên, làm thơ cùng "bạn" trăng: "Trăng vào cửa sổ đòi thơ", dành thời gian hạnh phúc cùng con trẻ, cùng cỏ cây: "*Việc quân, việc nước đã bàn/ Xách bương dắt trẻ ra vườn tưới rau*"… Bác Hồ đã học tập, tiếp thu, kế thừa, phát triển và nâng cao từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Khuyến…Thơ Việt ở ngày hôm nay, nhất là thơ trẻ có một đặc điểm dễ nhận thấy là hay thiên về triết lý, trong khi đó, để có màu sắc trí tuệ không hẳn dễ vì đòi hỏi phải có vốn sống từng trải, vốn văn hóa sâu rộng. Tài năng như Chế Lan Viên cũng phải đợi khi đủ độ chín về hiểu biết và tuổi tác mới có những triết lý về thơ, về đời, về lẽ sống và cách sống. Thế nên, mặc dù có thể thực sự trí tuệ nhưng do còn thiếu sự va đập từng trải nên thơ trẻ triết lý chưa đủ sức thuyết phục bởi sự, khiên cưỡng của hình tượng.

Từ góc độ tiếp nhận cũng cho thấy khi xã hội ngày một văn minh, vật chất ngày thêm nhiều thì con người lại phải đối phó với bao nỗi bất an, là môi trường ô nhiễm, là tai nạn do thiên tai và do chính con người gây ra như giao thông, văn hóa xuống cấp, ô nhiễm không khí…

Do vậy, khao khát sâu thẳm của nhân loại là được sống cùng thế giới trong lành, yên tĩnh, bình an mà tươi tắn sống động. Thế giới ấy chỉ có thể có được ở nơi thiên nhiên chan hòa ánh sáng của mặt trời và ánh trăng, đầy gió và nắng, đầy cỏ và hoa cùng thế giới loài vật quen thuộc, là cánh chim, là tiếng gà gáy, là âm thanh mõ trâu…

Văn chương không đề xuất giải pháp, mà trong im lặng thấm sâu vào lòng người, vào trí tưởng, cảm xúc, gợi lên những suy tư… từ đó hình thành nhận vào trí tưởng, cảm xúc, gợi lên những suy tư… từ đó hình thành nhận thức, thái độ. Đọc Đất rừng phương Nam, chúng ta thêm yêu cuộc sống thiên nhiên nơi đây, nơi gắn bó, bao bọc và nuôi sống con người. Đọc Con voi ở công viên Thủ Lệ, chúng ta thấy xót xa đến rơi lệ trước cuộc sống và cái chết của chú voi. Đọc Muối của rừng, chúng ta nhận ra con người cũng là một sinh vật trong ngôi nhà chung tự nhiên, chúng ta nhận ra những ứng xử tình nghĩa

của loài vật, chúng ta nhận ra thiên nhiên tươi đẹp, bao dung biết bao. Đọc Thần thánh và bươm bướm, Kẻ ám sát cánh đồng chúng ta thấy thương những cánh đồng đang mất dần màu xanh trước sự phát triển mạnh mẽ của đô thị, của những mưu đồ trục lợi đã làm biến dạng nông thôn. Đọc Cánh đồng bất tận ta thương những cuộc đời phiêu dạt, nổi nênh; thương những cánh đồng đói kém nghèo nàn vẫn chở che cho con người trong số kiếp nhọc nhằn của mình. Đọc Họ vẫn chưa về, chúng ta nhớ những làng quê bình yên, thương loài hươu sao bị nuôi nhốt và khai thác một cách tàn bạo Mỗi tác phẩm là một thực tại làm nhức nhối trong ta những suy tư về cách con người đã sống, đã đối xử với tự nhiên, với môi trường mà mình là một phần của nó. Vẫy vùng giữa vũng lầy, ngoài câu chuyện hôn nhân, đó là những phản ánh thực sự đáng sợ về môi trường tự nhiên vùng đầm lầy nước Mỹ khi những công ty công nghiệp xả nước thải làm hủy hoại môi trường. Mỗi tác phẩm là một thực tại làm nhức nhối trong ta những suy tư về cách con người đã sống, đã đối xử với tự nhiên, với môi trường mà mình là một phần của nó. Vẫy vùng giữa vũng lầy, ngoài câu chuyện hôn nhân, đó là những phản ánh thực sự đáng sợ về môi trường tự nhiên vùng đầm lầy nước Mỹ khi những công ty công nghiệp xả nước thải làm hủy hoại môi trường.

Giáo dục về môi trường thông qua văn chương nghệ thuật làm người ta nhận ra mình, nhận ra đồng loại, nhận ra những sinh vật khác, điều kiện sống - giá trị sống khác xung quanh mình, liên hệ mật thiết, sinh tử với mình. Từ nhận thức và tình cảm ấy, con người hình thành thái độ, hành vi ứng xử với tự nhiên, môi trường. Đó là cách những cơn mưa dầm lặng lẽ thấm sâu vào đất, nuôi dưỡng những mầm sống vươn lên, giữ cho sự sống vĩnh hằng trên ngôi nhà chung mang tên trái đất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tổng quan về Khuyến học xanh

A. Khuyến học xanh là gì?

Khuyến học xanh là một mô hình giáo dục kết hợp giữa việc khuyến khích học tập và phát triển bền vững. Mô hình này không chỉ hướng đến việc nâng cao tri thức mà còn giúp người học hình thành ý thức bảo vệ môi trường, áp dụng các giải pháp xanh vào cuộc sống và công việc, hướng tới một tương lai bền vững.

Đây cũng là một phần của chiến lược giáo dục toàn cầu nhằm thay đổi phương pháp dạy và học, thích ứng với những thách thức như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên. Mục tiêu của Khuyến học xanh là trang bị cho người học kiến thức, lối sống, kỹ năng và tư duy cần thiết để đóng góp vào một xã hội phát triển bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường và xây dựng một thế giới công bằng hơn về mặt sinh thái, xã hội.

Nói cách khác, Khuyến học xanh không chỉ dừng lại ở việc giáo dục về môi trường mà còn hướng dẫn người dân có tư duy xanh, lối sống xanh, kỹ năng xanh để sống có trách nhiệm với hành tinh. Các chương trình trong mô hình này có thể bao gồm việc áp dụng công nghệ sạch, giảm thiểu rác thải nhựa, tiết kiệm năng lượng, khuyến khích sử dụng tài nguyên tái tạo và đổi mới phương pháp giáo dục để giúp người học hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.

B. Khuyến học xanh tại Nhật Bản

I. Nhật Bản Giáo dục phát triển bền vững

Giáo dục phát triển bền vững (ESD - Education for Sustainable Development) tại Nhật Bản là một phần quan trọng trong hệ thống giáo dục, nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để hướng tới một xã hội bền vững. Nhật Bản được coi là một trong những quốc gia tiên phong trong việc thực hiện ESD theo khuyến nghị của UNESCO.

1. Chính sách và chiến lược ESD tại Nhật Bản

Tích hợp vào chương trình giáo dục quốc gia: Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) đã đưa ESD vào chương trình giảng dạy chính thức, đặc biệt trong các môn như khoa học, đạo đức, xã hội và giáo dục môi trường.

Hỗ trợ từ UNESCO và Liên Hợp Quốc: Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong Chương trình Thập kỷ ESD của Liên Hợp Quốc (2005-2014) và tiếp tục thúc đẩy ESD sau năm 2015 thông qua Chương trình Hành động Toàn cầu về ESD (GAP).

Hợp tác giữa nhà trường và cộng đồng: Chính phủ Nhật Bản khuyến khích sự hợp tác giữa các trường học, tổ chức phi chính phủ (NGO) và doanh nghiệp để triển khai các dự án phát triển bền vững.

2. Triển khai thực tế trong hệ thống giáo dục

Trường học kiểu mẫu về ESD: Nhật Bản đã thành lập nhiều trường học tiêu biểu về ESD, nơi học sinh được tiếp cận với các dự án thực tế như quản lý tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, tái chế và bảo vệ thiên nhiên.

Hoạt động ngoại khóa và thực hành: Các trường học tổ chức nhiều hoạt động ngoài trời như trồng rừng, làm nông nghiệp hữu cơ, tham gia các dự án bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng.

Phát triển năng lực tư duy phản biện và giải quyết vấn đề: ESD không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn khuyến khích học sinh suy nghĩ về các vấn đề xã hội và môi trường theo cách sáng tạo và bền vững.

3. Ảnh hưởng và kết quả

Nhận thức về phát triển bền vững gia tăng: Học sinh Nhật Bản có ý thức cao về các vấn đề môi trường và xã hội, góp phần thúc đẩy các sáng kiến bền vững trong cộng đồng.

Mô hình giáo dục tiên tiến: Nhiều quốc gia học hỏi mô hình ESD của Nhật Bản để áp dụng vào hệ thống giáo dục của họ.

Liên kết với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs): Nhật Bản coi ESD là công cụ quan trọng để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.

Nhìn chung, ESD tại Nhật Bản không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà được áp dụng thực tiễn vào đời sống, giúp hình thành một thế hệ trẻ có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

II. Thực trạng lối sống xanh ở Nhật Bản

Nhật Bản là một trong những quốc gia đi đầu trong việc thúc đẩy **lối sống xanh** thông qua các chính sách, công nghệ và ý thức cộng đồng. Lối sống này không chỉ thể hiện ở các chính sách của chính phủ mà còn được người dân thực hành trong cuộc sống hàng ngày.

1. Chính sách và chiến lược của chính phủ

Nhật Bản đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ lối sống xanh, bao gồm:

Chính sách "Xã hội tuần hoàn": Thúc đẩy việc giảm thiểu rác thải, tái sử dụng và tái chế (3R – Reduce, Reuse, Recycle). Nhật Bản có một trong những hệ thống phân loại rác nghiêm ngặt nhất thế giới.

Chương trình "Cool Biz" và "Warm Biz": Khuyến khích người dân mặc trang phục phù hợp theo mùa để giảm tiêu thụ điện năng từ điều hòa nhiệt độ.

Sử dụng năng lượng tái tạo: Chính phủ Nhật Bản đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng mặt trời, gió và thủy điện để giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

Quy định về tiêu chuẩn xanh trong sản xuất: Các doanh nghiệp phải tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt để giảm khí thải carbon.

2. Lối sống xanh trong cộng đồng

a. Tiết kiệm năng lượng

Người dân Nhật Bản có thói quen tiết kiệm điện, nước và tài nguyên. Ví dụ, nhiều gia đình sử dụng **điện mặt trời** hoặc áp dụng hệ thống tiết kiệm nước khi tắm giặt.

Hệ thống tàu điện và giao thông công cộng phát triển giúp giảm thiểu việc sử dụng ô tô cá nhân, qua đó giảm lượng khí thải CO_2.

b. Hệ thống phân loại và xử lý rác thải

Nhật Bản có một trong những hệ thống **phân loại rác nghiêm ngặt nhất thế giới**, với nhiều loại rác khác nhau như rác đốt được, rác không đốt được, nhựa, kim loại, thủy tinh, rác hữu cơ...

Người dân phải rửa sạch chai lọ và đóng gói rác theo quy định trước khi vứt bỏ.

c. Phát triển nền kinh tế tuần hoàn

Tái sử dụng và tái chế là thói quen phổ biến. Nhiều người sử dụng các sản phẩm second-hand, từ quần áo đến đồ điện tử.

Các cửa hàng tiện lợi và siêu thị khuyến khích khách hàng **mang theo túi riêng** thay vì sử dụng túi nylon.

d. Thực phẩm và nông nghiệp bền vững

Nhật Bản có **văn hóa ẩm thực "mottainai"**, khuyến khích hạn chế lãng phí thực phẩm.

Nhiều trang trại áp dụng **công nghệ nông nghiệp hữu cơ** và mô hình "nông nghiệp đô thị" để cung cấp thực phẩm sạch ngay trong thành phố.

3. Thách thức và cơ hội

3.1. Thách thức đang đặt ra cho Nhật Bản

Nhật Bản vẫn phụ thuộc nhiều vào năng lượng hạt nhân và nhiên liệu hóa thạch.

Lượng rác thải nhựa vẫn cao do nền văn hóa tiêu dùng tiện lợi, đặc biệt là việc sử dụng bao bì nhựa trong siêu thị và cửa hàng tiện lợi.

3.2. Cơ hội để Nhật Bản phát triển mạnh mẽ khuyến học xanh

Chính phủ đang đẩy mạnh các sáng kiến **xã hội không carbon** với mục tiêu đạt **trung hòa carbon vào năm 2050**.

Công nghệ xanh và sáng kiến khuyến khích lối sống bền vững ngày càng phát triển mạnh mẽ.

4. Kết luận: Nhật Bản đã và đang thực hiện lối sống xanh một cách hiệu quả thông qua chính sách, ý thức cộng đồng và các sáng kiến công nghệ. Mặc dù vẫn còn một số thách thức, nhưng với sự quyết tâm của chính phủ và người dân, Nhật Bản tiếp tục là hình mẫu về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

III. Kiến trúc trường học xanh tại Nhật Bản

Tại Nhật Bản, kiến trúc trường học xanh được chú trọng phát triển, kết hợp hài hòa giữa thiết kế hiện đại và yếu tố thiên nhiên, nhằm tạo môi trường học tập thân thiện và bền vững cho học sinh. Dưới đây là một số đặc điểm nổi bật:

1. Thiết kế gắn kết với thiên nhiên:

Sử dụng không gian mở: Nhiều trường học áp dụng thiết kế không gian mở, tận dụng ánh sáng tự nhiên và thông gió, giúp giảm tiêu thụ năng lượng và tạo cảm giác thoải mái cho học sinh.

Bảo tồn cây xanh hiện hữu: Các công trình thường được xây dựng xung quanh hoặc tích hợp với cây xanh sẵn có, tạo ra môi trường học tập gần gũi với thiên nhiên. Ví dụ, Trường mẫu giáo Fuji ở Tachikawa được thiết kế bao quanh một cây Zelkova 50 năm tuổi, trở thành trung tâm vui chơi cho trẻ em.

2. Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường:

Vật liệu tự nhiên: Gỗ, tre và đá tự nhiên được ưu tiên trong xây dựng, không chỉ giảm thiểu tác động môi trường mà còn mang lại vẻ đẹp mộc mạc, gần gũi.

Tái chế và tái sử dụng: Việc sử dụng vật liệu tái chế và thiết kế linh hoạt cho phép thay đổi công năng mà không cần xây dựng mới, giảm lượng rác thải xây dựng.

3. Tích hợp không gian xanh vào kiến trúc:

Vườn trên mái và tường xanh: Nhiều trường học thiết kế vườn trên mái và tường cây xanh, giúp cách nhiệt, cải thiện chất lượng không khí và tạo không gian học tập ngoài trời. Trường Quốc tế Nhật Bản (JIS) tại Hà Nội có vườn rau rộng hơn 2.000m² trên sân thượng, cung cấp thực phẩm sạch và là nơi học tập trải nghiệm cho học sinh.

Sân chơi tự nhiên: Thiết kế sân chơi với cỏ, cây và địa hình đa dạng khuyến khích trẻ em vận động và khám phá. Trường mẫu giáo Dai-ichi Yochien ở Kumamoto có sân được thiết kế để ngập nước sau mưa, tạo cơ hội cho trẻ em vui đùa với nước.

4. Tối ưu hóa năng lượng và tài nguyên:

Tiết kiệm năng lượng: Áp dụng các giải pháp như sử dụng ánh sáng và thông gió tự nhiên, lắp đặt pin năng lượng mặt trời và hệ thống cách nhiệt hiệu quả.

Quản lý nước hiệu quả: Thu gom và tái sử dụng nước mưa cho việc tưới cây và vệ sinh, cùng với hệ thống thoát nước thông minh để tránh ngập úng.

5. Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường:

Hoạt động ngoại khóa xanh: Học sinh tham gia trồng cây, chăm sóc vườn và học về bảo vệ môi trường thông qua các dự án thực tế.

Không gian học tập linh hoạt: Thiết kế lớp học mở, linh hoạt, khuyến khích sự tương tác và sáng tạo, đồng thời giúp học sinh cảm nhận sự kết nối với thiên nhiên.

Những đặc điểm trên cho thấy Nhật Bản đang tiên phong trong việc phát triển kiến trúc trường học xanh, tạo ra môi trường học tập bền vững và thân thiện, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường.

IV. Giáo dục phân loại và tái chế rác thải tại Nhật Bản

Nhật Bản nổi tiếng với hệ thống phân loại và tái chế rác thải nghiêm ngặt, không chỉ áp dụng trong cộng đồng mà còn được giáo dục ngay từ nhỏ. Việc giáo dục này giúp người dân có ý thức cao trong việc bảo vệ môi trường và duy trì một xã hội bền vững.

1. Giáo dục phân loại rác trong hệ thống trường học

a. Dạy trẻ em ý thức phân loại rác từ nhỏ

Ngay từ bậc mẫu giáo và tiểu học, trẻ em Nhật Bản đã được dạy về cách phân loại rác thông qua các bài học thực tế.

Các trường học có **thùng rác phân loại riêng biệt**, yêu cầu học sinh tự đổ rác đúng cách.

Giáo viên thường sử dụng **trò chơi, tranh vẽ và bài giảng tương tác** để giúp trẻ hiểu về tác động của rác thải đến môi trường.

b. Học sinh tự dọn dẹp lớp học và trường học

Nhật Bản không có nhân viên lao công trong trường học, học sinh tự dọn dẹp lớp học và phân loại rác vào cuối ngày.

Điều này giúp các em nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn vệ sinh và phân loại rác đúng cách.

2. Hệ thống phân loại rác chặt chẽ trong cộng đồng

a. Quy tắc 3R: Reduce - Reuse - Recycle

Người dân Nhật Bản được giáo dục theo nguyên tắc **3R (Giảm thiểu - Tái sử dụng - Tái chế)**.

Giảm thiểu (Reduce): Hạn chế sử dụng túi nhựa, chai nhựa, khuyến khích dùng túi vải và bình nước cá nhân.

Tái sử dụng (Reuse): Các cửa hàng đồ cũ như Book-Off, Hard-Off rất phổ biến, giúp tái sử dụng quần áo, sách vở và đồ điện tử.

Tái chế (Recycle): Nhật Bản có hệ thống thu gom rác tái chế hiệu quả, giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

b. Quy định phân loại rác nghiêm ngặt

Mỗi thành phố ở Nhật có **bộ quy tắc phân loại rác riêng**.

Thông thường, rác được chia thành ít nhất **4-6 loại chính**:

Rác đốt được (燃えるゴミ - Moeru gomi): Thức ăn thừa, giấy vụn, vải…

Rác không đốt được (燃えないゴミ - Moenai gomi): Kim loại, thủy tinh, gốm sứ…

Rác tái chế (資源ごみ - Shigen gomi): Chai nhựa, lon nhôm, giấy bìa…

Rác cồng kềnh (粗大ゴミ - Sodai gomi): Đồ gia dụng lớn như bàn ghế, tủ lạnh…

Lịch thu gom rác nghiêm ngặt: Mỗi loại rác chỉ được đổ vào những ngày quy định trong tuần. Người vi phạm có thể bị phạt hoặc nhắc nhở.

3. Hoạt động tuyên truyền và giáo dục trong xã hội

Cộng đồng có trách nhiệm giám sát: Nếu ai đó vứt rác sai cách, hàng xóm hoặc chính quyền địa phương có thể nhắc nhở.

Chiến dịch nâng cao nhận thức: Chính phủ và các tổ chức môi trường thường xuyên tổ chức các chiến dịch tuyên truyền về tái chế rác thải, bao gồm các chương trình truyền hình, áp phích tại ga tàu và trường học.

Cửa hàng và doanh nghiệp hỗ trợ tái chế: Siêu thị có khu vực thu gom chai nhựa, hộp sữa đã qua sử dụng. Một số cửa hàng tiện lợi cũng nhận thu gom pin cũ và đồ điện tử nhỏ.

4. Ảnh hưởng và kết quả

Giảm ô nhiễm và bảo vệ môi trường: Nhật Bản có tỷ lệ tái chế rác thải nhựa lên tới **84%**, thuộc hàng cao nhất thế giới.

Ý thức cộng đồng cao: Người dân Nhật có trách nhiệm cao trong việc phân loại rác và giữ gìn môi trường sạch đẹp.

Ứng dụng công nghệ tái chế tiên tiến: Nhật Bản đã phát triển nhiều công nghệ xử lý rác hiện đại, giúp tận dụng tối đa tài nguyên từ rác thải.

Tóm lại: Giáo dục phân loại và tái chế rác thải tại Nhật Bản không chỉ là trách nhiệm của trường học hay chính phủ, mà là một phần trong văn hóa và lối sống của người dân. Điều này giúp Nhật Bản duy trì một môi trường sống sạch sẽ, bền vững và là hình mẫu cho nhiều quốc gia trên thế giới.

V. Đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế xanh

Nhật Bản đang tích cực thúc đẩy việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nền kinh tế xanh thông qua hợp tác quốc tế và phát triển các chương trình giáo dục chuyên sâu. Dưới đây là một số điểm nổi bật:

1. Hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực kinh tế xanh:

Hợp tác với Việt Nam: Thủ tướng Phạm Minh Chính đã đề nghị các đại học hàng đầu của Nhật Bản, như Đại học Waseda và Đại học Hiroshima, tăng cường tiếp nhận sinh viên và cán bộ Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực như năng lượng sạch và chống biến đổi khí hậu.

Đào tạo ngành bán dẫn và công nghệ cao: Nhật Bản cam kết hỗ trợ Việt Nam trong việc đào tạo 50.000 kỹ sư ngành bán dẫn đến năm 2030, đồng thời tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực chuyển đổi xanh và chuyển đổi số.

2. Phát triển chương trình đào tạo chuyên sâu:

Đại học Hiroshima: Trường đã phối hợp với các đối tác Việt Nam trong việc đào tạo và tiếp nhận du học sinh trong các lĩnh vực kinh tế, luật, khoa học kỹ thuật và nghiên cứu, đặc biệt chú trọng đến các dự án tự động hóa và giảm phát thải.

Đại học Đông Á và Tập đoàn Sun Frontier: Hợp tác này nhằm đào tạo và cung ứng nhân lực chất lượng cao cho thị trường Nhật Bản, tập trung vào các ngành như Ngôn ngữ Nhật, Khách sạn, Lữ hành, Điện – điện tử và Xây dựng.

3. Tăng cường hỗ trợ và cải thiện điều kiện cho lao động nước ngoài:

Chính sách cải thiện điều kiện sống: Nhật Bản đã triển khai các chính sách nhằm nâng cao điều kiện sống và làm việc cho lao động nước ngoài, bao gồm việc thiết lập chế độ "đào tạo-làm việc" để

Hợp tác đào tạo và sử dụng nhân lực ngành bán dẫn: Đại sứ Nhật Bản Ito Naoki nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp tác đào tạo và sử dụng nhân lực ngành bán dẫn, coi đây là "vòng tuần hoàn có lợi cho cả hai bên".

Những nỗ lực này cho thấy Nhật Bản đang chủ động trong việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nền kinh tế xanh, thông qua hợp tác quốc tế và cải thiện môi trường làm việc cho lao động nước ngoài.

VI. Ngoài các vấn đề đã đề cập, Nhật Bản còn đặc biệt quan tâm đến các khía cạnh khác liên quan đến khuyến học xanh, bao gồm:

1. Ứng dụng công nghệ xanh trong giáo dục

Sử dụng năng lượng tái tạo trong trường học: Nhật Bản khuyến khích sử dụng năng lượng mặt trời, hệ thống sưởi ấm bằng địa nhiệt và các công nghệ tiết kiệm năng lượng trong trường học để giảm phát thải khí carbon.

Trường học thông minh (Smart Schools): Ứng dụng AI và IoT trong giáo dục để tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, giảm lãng phí điện nước và giúp học sinh tiếp cận các phương pháp học tập bền vững.

2. Giáo dục thực hành về môi trường trong cộng đồng học đường

Học sinh tham gia vào các hoạt động xanh: Học sinh được khuyến khích tham gia trực tiếp vào việc trồng cây, chăm sóc vườn trường, thu gom rác tái chế, và tiết kiệm tài nguyên trong trường học.

Các dự án môi trường do học sinh thực hiện: Một số trường học tổ chức các cuộc thi sáng tạo xanh, nơi học sinh đưa ra giải pháp cho các vấn đề môi trường tại địa phương.

3. Phát triển chương trình giáo dục hướng nghiệp cho nền kinh tế xanh

Định hướng nghề nghiệp bền vững: Nhật Bản đang đẩy mạnh đào tạo nhân lực cho ngành công nghiệp xanh, khuyến khích học sinh và sinh viên lựa chọn các ngành nghề liên quan đến năng lượng tái tạo, công nghệ môi trường và kinh tế tuần hoàn.

Tích hợp kỹ năng xanh vào các chương trình đào tạo: Hệ thống giáo dục Nhật Bản không chỉ tập trung vào kiến thức lý thuyết mà còn lồng ghép các kỹ năng xanh vào các ngành kỹ thuật, kinh tế và quản lý.

4. Khuyến khích phát triển văn hóa tiêu dùng xanh trong trường học

Chương trình giảm thiểu lãng phí thực phẩm: Các trường học Nhật Bản có chương trình giáo dục học sinh về việc không lãng phí thực phẩm trong bữa ăn học đường. Một số nơi còn triển khai mô hình "bữa trưa không rác thải" (zero-waste lunch).

Khuyến khích sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường: Trường học ưu tiên sử dụng giấy tái chế, đồ dùng học tập không chứa nhựa và đồng phục làm từ vật liệu thân thiện với môi trường.

Nhật Bản không chỉ dừng lại ở các chính sách vĩ mô mà còn tập trung vào các chương trình giáo dục thực tế, giúp học sinh và sinh viên có ý thức bảo vệ môi trường từ những hành động nhỏ nhất.

C. Khuyến học xanh tại Hàn Quốc

I. Chính sách tăng trưởng xanh

Hàn Quốc đã triển khai **Chiến lược Tăng trưởng Xanh** từ năm 2008, tập trung vào việc phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Mặc dù không có thông tin cụ thể về chương trình "khuyến học xanh" trong các nguồn hiện có, nhưng chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện nhiều chính sách và chương trình giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành động về tăng trưởng xanh trong cộng đồng.

1. Tích hợp giáo dục về tăng trưởng xanh trong hệ thống giáo dục:

Chương trình giảng dạy: Các trường học ở Hàn Quốc đã đưa nội dung về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vào chương trình giảng dạy, giúp học sinh hiểu rõ về tầm quan trọng của tăng trưởng xanh.

Hoạt động ngoại khóa: Nhiều hoạt động ngoại khóa như trồng cây, tái chế và tiết kiệm năng lượng được tổ chức để học sinh thực hành và áp dụng kiến thức về môi trường.

2. Đào tạo và nâng cao năng lực cho người lao động:

Chương trình đào tạo nghề xanh: Chính phủ Hàn Quốc đã triển khai các chương trình đào tạo nghề liên quan đến công nghệ xanh và năng lượng tái tạo, nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp xanh.

Hợp tác quốc tế: Hàn Quốc hợp tác với các quốc gia khác trong việc đào tạo và chia sẻ kinh nghiệm về tăng trưởng xanh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực này.

3. Chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng:

Truyền thông và giáo dục công chúng: Các chiến dịch truyền thông được thực hiện để nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của tăng trưởng xanh và khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

Khuyến khích tham gia của doanh nghiệp: Chính phủ hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh và thực hành bền vững, đồng thời tạo điều kiện cho họ tham gia vào các chương trình giáo dục và đào tạo về tăng trưởng xanh.

Những nỗ lực này cho thấy Hàn Quốc đang tích cực thúc đẩy giáo dục và đào tạo liên quan đến tăng trưởng xanh, nhằm xây dựng một xã hội bền vững và thân thiện với môi trường.

II. Mô hình trường học xanh tại Hàn Quốc

Hàn Quốc đã và đang tích cực triển khai mô hình **trường học xanh**, kết hợp giữa công nghệ hiện đại và yếu tố thân thiện với môi trường, nhằm tạo ra môi trường giáo dục bền vững và tiên tiến. Dưới đây là tổng quan về thực trạng áp dụng mô hình này tại Hàn Quốc:

1. Dự án "Trường học xanh thông minh" (Green Smart School - GSS):

Mục tiêu: Chính phủ Hàn Quốc đặt mục tiêu chuyển đổi 2.835 tòa nhà trường học cũ thành các không gian công nghệ cao, thân thiện với môi trường vào năm 2025.

Đầu tư: Dự án nằm trong khuôn khổ "Chính sách Kinh tế Mới phiên bản Hàn Quốc" (KND), với ngân sách dự kiến khoảng 18.000 tỷ won (tương đương 15,2 tỷ USD).

Đặc điểm chính của dự án:

Sử dụng năng lượng tái tạo: Lắp đặt các tấm pin năng lượng mặt trời và sử dụng vật liệu cách nhiệt thân thiện với môi trường trong xây dựng.

Công nghệ kỹ thuật số: Trang bị lớp học với kết nối Wi-Fi và thiết bị máy tính hiện đại, thay thế sách giáo khoa truyền thống bằng máy tính bảng, hỗ trợ giảng dạy trực tiếp và trực tuyến.

2. Trường học tiêu biểu:

Trường Trung học nữ sinh Changdeok: Được chọn là "Trường học tương lai" đầu tiên tại Seoul, trường đã áp dụng hệ thống năng lượng mặt trời và triển khai giảng dạy dựa trên nền tảng kỹ thuật số, đáp ứng nhu cầu giáo dục trong thời kỳ "không tiếp xúc".

3. Giáo dục xanh và hợp tác quốc tế:

Chương trình giáo dục xanh: Hàn Quốc chú trọng giáo dục môi trường trong trường học, giúp học sinh hiểu và thực hành các phương pháp bảo vệ môi trường bền vững.

Hợp tác với Việt Nam: Tiến sĩ Ko Dong Hyun đã đề xuất dự án đưa chương trình giáo dục xanh vào hệ thống giáo dục Việt Nam, dựa trên mô hình và kinh nghiệm của Hàn Quốc, nhằm nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ môi trường cho học sinh.

4. Mô hình trường đại học xanh:

Đại học Quốc gia Seoul (SNU): SNU đã ban hành "Tuyên bố bền vững" vào năm 2008, cam kết xây dựng trường đại học xanh thông qua việc tích hợp các yếu tố quản trị, vận hành, đào tạo, nghiên cứu và kết nối cộng đồng theo hướng phát triển bền vững.

Tóm lại: Việc áp dụng mô hình trường học xanh tại Hàn Quốc cho thấy sự cam kết mạnh mẽ của chính phủ và các cơ sở giáo dục trong việc tạo ra môi trường học tập hiện đại, bền vững và thân thiện với môi trường. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

III. Hợp tác quốc tế trong giáo dục môi trường tại Hàn Quốc

Hàn Quốc đã và đang tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục môi trường, thông qua việc thiết lập các chương trình đào tạo, trao đổi sinh viên và chia sẻ kinh nghiệm với nhiều quốc gia. Dưới đây là một số điểm nổi bật về thực trạng hợp tác này:

1. Hợp tác song phương với Việt Nam:

Chương trình đào tạo y tế toàn cầu: Từ ngày 15 đến 21 tháng 7 năm 2022, Hiệp hội các Câu lạc bộ Xanh từ các trường đại học khu vực Busan đã phối hợp với Khoa Ngôn ngữ Hàn Quốc của Đại học Thăng Long tổ chức chương trình đào tạo y tế tại Hà Nội. Chương trình tập trung vào việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên điều dưỡng, đồng thời thúc đẩy ý thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Hỗ trợ tổ chức Hội nghị P4G: Việt Nam dự kiến đăng cai Hội nghị Thượng đỉnh Đối tác vì Tăng trưởng Xanh và Mục tiêu Toàn cầu 2030 (P4G) vào năm 2025. Hàn

Quốc, với kinh nghiệm tổ chức thành công hội nghị này năm 2021, cam kết hỗ trợ Việt Nam trong công tác chuẩn bị và tổ chức, nhằm thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

2. Hợp tác thông qua các tổ chức và chương trình quốc tế:

Nguồn tài chính ODA xanh: Hàn Quốc đã dành nguồn tài chính ODA xanh để hỗ trợ các dự án môi trường tại Việt Nam thông qua Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA). Sự hỗ trợ này tập trung vào việc xây dựng các nhà máy xử lý rác thải, cải thiện chất lượng nước và khôi phục các dòng sông bị ô nhiễm, góp phần nâng cao chất lượng môi trường và đời sống cộng đồng.

Chương trình trao đổi sinh viên và nghiên cứu: Các trường đại học Hàn Quốc, như Đại học Mokwon, đã thiết lập quan hệ hợp tác với hơn 100 trường đại học và tổ chức giáo dục quốc tế. Thông qua các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên, Hàn Quốc tạo điều kiện cho việc chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và nghiên cứu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao:

Chương trình du học ngành môi trường: Hàn Quốc thu hút sinh viên quốc tế theo học các chuyên ngành liên quan đến môi trường, như khoa học môi trường, công nghệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Các chương trình này không chỉ cung cấp kiến thức chuyên sâu mà còn tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu và thực hành thực tế, đóng góp vào việc bảo vệ môi trường toàn cầu.

Những nỗ lực hợp tác quốc tế trong giáo dục môi trường của Hàn Quốc đã góp phần nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ môi trường, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

IV. Thực trạng thúc đẩy lối sống xanh trong cộng động

Hàn Quốc đã triển khai nhiều chính sách và chương trình nhằm thúc đẩy **lối sống xanh** trong cộng đồng, kết hợp giữa sự chỉ đạo của chính phủ và sự tham gia tích cực của người dân. Dưới đây là một số biện pháp và kết quả nổi bật:

1. Chính sách và chiến lược quốc gia:

Chiến lược Tăng trưởng Xanh: Năm 2008, Hàn Quốc công bố Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh, đặt mục tiêu phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường. Chiến lược này tập trung vào giảm phát thải khí nhà kính, phát triển công nghệ xanh và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Luật Tăng trưởng Xanh: Năm 2010, Luật Tăng trưởng Xanh được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho các chính sách liên quan đến phát triển bền vững và môi trường. Luật này nhấn mạnh việc cân bằng **2. Các dự án và chương trình cộng đồng:**

Dự án "Ngôi nhà xanh trị giá 2 triệu": Chính phủ khuyến khích người dân xây dựng và cải tạo nhà ở theo hướng tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. Dự án này nhận được sự hưởng ứng tích cực từ cộng đồng, góp phần giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.

Dự án "Thành phố và dòng sông xanh hơn": Mục tiêu của dự án là cải tạo môi trường đô thị, tăng cường mảng xanh và khôi phục các dòng sông bị ô nhiễm. Sự tham gia của người dân trong việc trồng cây và bảo vệ môi trường đã mang lại hiệu quả rõ rệt, cải thiện chất lượng sống và cảnh quan đô thị.

Dự án "Thành phố mặt trời": Khuyến khích lắp đặt các tấm pin năng lượng mặt trời trên mái nhà và các công trình công cộng, dự án này giúp tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

3. Khuyến khích tiêu dùng xanh:

Thẻ tín dụng xanh (Green Credit Card): Chính phủ hợp tác với các công ty thẻ tín dụng phát hành thẻ tín dụng xanh, cho phép người dùng tích lũy điểm khi mua sắm các sản phẩm thân thiện với môi trường. Điểm này có thể được sử dụng cho các giao dịch khác, khuyến khích người dân lựa chọn tiêu dùng bền vững.

4. Nâng cao nhận thức và giáo dục môi trường:

Chương trình giáo dục xanh: Các trường học tích hợp nội dung về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vào chương trình giảng dạy, giúp học sinh hiểu và thực hành lối sống xanh từ sớm.

Chiến dịch truyền thông: Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ thường xuyên tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức về môi trường, sử dụng các phương tiện truyền thông để tiếp cận và giáo dục cộng đồng về tầm quan trọng của lối sống xanh.

5. Kết quả đạt được:

Tăng tỷ lệ tái chế: Hàn Quốc đặt mục tiêu giảm 20% lượng rác thải và tăng tỷ lệ tái chế từ 70% lên 82% vào năm 2027 thông qua các biện pháp quản lý rác thải và khuyến khích tái chế.

Phủ xanh đô thị: Nhờ các dự án trồng cây và cải tạo môi trường, diện tích rừng và mảng xanh đô thị đã tăng đáng kể, cải thiện chất lượng không khí và môi trường sống cho người dân.

Những nỗ lực này cho thấy Hàn Quốc đang tích cực thúc đẩy lối sống xanh trong cộng đồng thông qua sự kết hợp giữa chính sách quốc gia và sự tham gia chủ động của người dân, hướng tới một xã hội bền vững và thân thiện với môi trường.

V. Ngoài bốn vấn đề đã đề cập, Hàn Quốc còn đặc biệt quan tâm đến các khía cạnh khác liên quan đến khuyến học xanh, bao gồm:

1. Ứng dụng công nghệ xanh trong giáo dục

Trường học thông minh (Smart Schools): Hàn Quốc đầu tư vào các trường học thông minh sử dụng năng lượng tái tạo, hệ thống tiết kiệm điện nước, bảng tương tác thông minh để giảm tiêu thụ giấy, và hệ thống quản lý năng lượng giúp giảm phát thải khí nhà kính.

Chương trình giáo dục STEM kết hợp môi trường: Chính phủ Hàn Quốc tích hợp giáo dục khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) với các nội dung về bảo vệ môi trường, giúp học sinh phát triển tư duy xanh ngay từ khi còn nhỏ.

2. Giáo dục kỹ năng sống bền vững trong trường học

Tích hợp kỹ năng xanh vào chương trình giảng dạy: Học sinh được học về cách tiết kiệm năng lượng, quản lý rác thải, tái chế, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường và cách giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

Dự án "Trường học không rác thải": Các trường học Hàn Quốc triển khai mô hình giảm thiểu rác thải trong lớp học và nhà ăn, với các quy định nghiêm ngặt về phân loại rác, hạn chế nhựa sử dụng một lần và tái chế thực phẩm dư thừa.

3. Phát triển chương trình giáo dục hướng nghiệp xanh

Đào tạo nhân lực cho nền kinh tế xanh: Hàn Quốc đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, quản lý tài nguyên thiên nhiên và kinh tế tuần hoàn.

Khuyến khích khởi nghiệp xanh trong giới trẻ: Chính phủ hỗ trợ các sáng kiến khởi nghiệp liên quan đến môi trường, giúp sinh viên tiếp cận với các quỹ đầu tư và chương trình đào tạo về kinh doanh bền vững.

4. Tích hợp giáo dục xanh với văn hóa truyền thống

Kết hợp triết lý sống hài hòa với thiên nhiên vào giáo dục: Hàn Quốc lồng ghép tư tưởng “Jongmyo Jerye” (tôn trọng thiên nhiên) và “Seonbi” (lối sống giản dị, tiết kiệm) vào chương trình giáo dục, giúp học sinh hiểu được giá trị của sự bền vững từ góc nhìn văn hóa.

Du lịch sinh thái kết hợp giáo dục: Nhiều trường tổ chức các chương trình ngoại khóa tại các khu bảo tồn thiên nhiên, giúp học sinh có cơ hội trải nghiệm thực tế và nâng cao nhận thức về môi trường.

Hàn Quốc không chỉ tập trung vào chính sách vĩ mô mà còn chú trọng đến việc xây dựng một nền tảng giáo dục toàn diện, giúp học sinh và sinh viên có ý thức bảo vệ môi trường và áp dụng lối sống xanh vào thực tế.

D. Khuyến học xanh tại các nước châu âu

Tại châu Âu, khuyến học xanh được triển khai mạnh mẽ thông qua nhiều chương trình và chính sách nhằm thúc đẩy giáo dục về môi trường và phát triển bền vững. Dưới đây là một số điểm nổi bật:

1. Thỏa thuận Xanh châu Âu (European Green Deal):

Được thông qua vào ngày 15/1/2020, Thỏa thuận Xanh châu Âu là chiến lược dài hạn của Liên minh châu Âu (EU) với mục tiêu giảm 55% lượng phát thải ròng vào năm 2030 so với năm 1990 và đạt trung hòa carbon vào năm 2050. Thỏa thuận này bao gồm các chiến lược, chương trình và kế hoạch hành động, đặt ra các yêu cầu nghiêm ngặt về môi trường đối với sản phẩm nhập khẩu và tiêu dùng, đồng thời thúc đẩy giáo dục và nhận thức về phát triển bền vững trong cộng đồng.

2. Vai trò của các trường đại học trong chuyển đổi xanh:

Nhiều trường đại học và tổ chức nghiên cứu tại châu Âu đang dẫn đầu trong việc thúc đẩy chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Theo khảo sát của Hiệp hội các trường đại học châu Âu (EUA) năm 2021, 61% trong số 400 trường được khảo sát đã có kế hoạch chuyển đổi sang hoạt động xanh, và 25% đang soạn thảo kế hoạch. Các trường này tập trung vào việc giảm thiểu tác động môi trường, tích hợp giáo dục bền vững vào chương trình giảng dạy và thúc đẩy nghiên cứu về các giải pháp xanh.

3. Mô hình trường học xanh tại Síp:

Chính phủ Síp đã triển khai kế hoạch xây dựng các trường học xanh với ngân sách đầu tư lên đến 100 triệu euro. Các trường này được thiết kế theo nguyên tắc kiến trúc bền vững, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và trang bị các thiết bị nâng cao sức khỏe cho học sinh. Mục tiêu là giúp học sinh phát triển ý thức về bảo vệ môi trường và sức khỏe, đồng thời tạo ra môi trường học tập an toàn và bền vững.

4. Bài học từ các quốc gia Bắc Âu:

Các nước Bắc Âu như Đan Mạch, Phần Lan và Thụy Điển đã triển khai thành công các mô hình "Thủ đô Xanh" (Green Capitals), tập trung vào phát triển bền vững và bảo

vệ môi trường. Những thành phố này chú trọng vào việc giảm phát thải, tăng cường không gian xanh và thúc đẩy lối sống thân thiện với môi trường. Kinh nghiệm từ các quốc gia này cung cấp bài học quý giá cho việc triển khai khuyến học xanh và phát triển bền vững tại các quốc gia khác.

Tổng thể, châu Âu đang tích cực thúc đẩy khuyến học xanh thông qua các chính sách, chương trình và mô hình giáo dục đa dạng, nhằm nâng cao nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong cộng đồng.

E. Khuyến học xanh tại Mỹ

Tại Hoa Kỳ, khuyến học xanh - hay giáo dục xanh - được thúc đẩy thông qua nhiều chương trình và sáng kiến nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Dưới đây là một số điểm nổi bật:

1. Chương trình "Trường học Ruy băng Xanh" (Green Ribbon Schools): Ra mắt năm 2011 bởi Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, chương trình này tôn vinh các trường học xuất sắc trong việc giảm thiểu tác động môi trường, cải thiện sức khỏe và giáo dục về bền vững. Các trường được đánh giá dựa trên ba tiêu chí chính:

Giảm thiểu chi phí và tác động môi trường: Thông qua việc sử dụng năng lượng hiệu quả, quản lý chất thải và bảo tồn tài nguyên.

Cải thiện sức khỏe thể chất và tinh thần: Tạo môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho học sinh và nhân viên.

Giáo dục về bền vững hiệu quả: Tích hợp giáo dục môi trường vào chương trình giảng dạy, kết hợp với các môn học STEM và phát triển kỹ năng công dân.

2. Các trường đại học tiên phong trong giáo dục môi trường: Nhiều trường đại học tại Mỹ đã tích cực triển khai các chương trình đào tạo và nghiên cứu về môi trường, góp phần thúc đẩy khuyến học xanh. Dưới đây là một số trường tiêu biểu:

Đại học Harvard: Chương trình Khoa học và Kỹ thuật Môi trường của Harvard đứng đầu tại Mỹ, tập trung vào việc hiểu và ứng phó với những thay đổi môi trường do con người gây ra.

Viện Công nghệ Massachusetts (MIT): Khoa Môi trường của MIT hướng đến thúc đẩy khoa học, kỹ thuật và chính sách môi trường, nhằm xây dựng một tương lai bền vững.

Đại học California, Berkeley: Chuyên ngành Khoa học Môi trường và Chính sách tại đây được xếp hạng hàng đầu, tập trung vào việc giải quyết tác động của con người đối với các hệ thống tự nhiên.

Đại học Yale: Chương trình Kỹ thuật Môi trường của Yale liên tục nằm trong top 10 của bảng xếp hạng US News & World Report về các chương trình kỹ thuật sau đại học.

3. Môi trường học tập thân thiện và bền vững: Nhiều trường học tại Mỹ chú trọng xây dựng môi trường học tập xanh, thân thiện với thiên nhiên. Ví dụ, Đại học California, Davis nổi tiếng với khuôn viên rộng lớn phủ đầy cây xanh, tạo không gian học tập trong lành và thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên.

Những nỗ lực này cho thấy Hoa Kỳ đang tích cực thúc đẩy khuyến học xanh, hướng tới xây dựng một xã hội bền vững và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng giáo dục.

G. Khuyến học xanh tại Việt Nam:

Tại Việt Nam, phong trào khuyến học xanh đang được thúc đẩy mạnh mẽ. Hội Khuyến học Việt Nam đã triển khai chương trình "Khuyến học xanh" giai đoạn 2025-2030, tập trung vào việc xanh hóa môi trường học đường, khuyến khích lối sống xanh, kỹ năng xanh và phát triển tư duy xanh cho học sinh. Các hoạt động bao gồm hỗ trợ xây dựng lớp học xanh, sạch, sáng và cung cấp thiết bị học tập cho học sinh ở vùng kinh tế khó khăn.

Ngoài ra, các thành phố như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đã triển khai chương trình "Trường học xanh", tập trung vào quản lý môi trường, giáo dục bảo vệ môi trường và thực hành xanh trong trường học. Các hoạt động này nhằm nâng cao nhận thức và hình thành thói quen bảo vệ môi trường cho học sinh và cộng đồng.

Tổng thể, khuyến học xanh trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ, với nhiều chương trình và mô hình đa dạng, hướng tới mục tiêu chung là giáo dục thế hệ trẻ về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và phát triển bền vững./.

MỤC LỤC

STT	Tên tiêu đề	Trang
01	**Bài phát biểu đề dẫn**	2
02	**Phần 1. Một số thuật ngữ và khái niệm**	6
03	Chuyển đổi xanh	6
04	Tăng trưởng xanh	6
05	Môi trường xanh	6
06	Giáo dục xanh	6
07	Trường học xanh	6
08	Văn hóa xanh	7
09	Phát thải	7
10	Khuyến học xanh	8
11	Một số đặc trưng của khuyến học xanh	8-9
12	**Phần 2. Những nội dung chính của "xanh hóa" hoạt động khuyến học theo chỉ đạo của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam**	11
13	Sự cần thiết phải "xanh hóa" hoạt động khuyến học trước những xu hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025 - 2030 và tầm nhìn 2045	11
14	Vai trò của hội khuyến học trong việc triển khai thực hiện quyết định số 1658/QĐ-TTg về "chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050"	12
15	Khuyến học xanh trước yêu cầu phát triển xanh và tăng trưởng xanh của đất nước	13
16	**Phần 3. Các báo cáo tham luận**	22
17	Chuyển đổi xanh trong ngành giáo dục hướng đi bền vững cho tương lai	22
18	"Xanh hóa" các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả của công tác vận động, tập hợp, tôn vinh trí thức trên địa bàn tỉnh Thái Bình	26
19	Khuyến học xanh ở Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình thực trạng và định hướng phát triển	30
20	"Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050" của ngành Y tế Thái Bình	35
21	Nâng cao hiệu quả giảng dạy các học phần về bảo vệ môi trường góp phần thực hiện "Khuyến học xanh" tại Trường Đại học Thái Bình	39
22	Giáo dục phê bình sinh thái – giáo dục xanh vì một tương lai xanh	47
23	**Tài liệu tham khảo**	58-75